



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

10

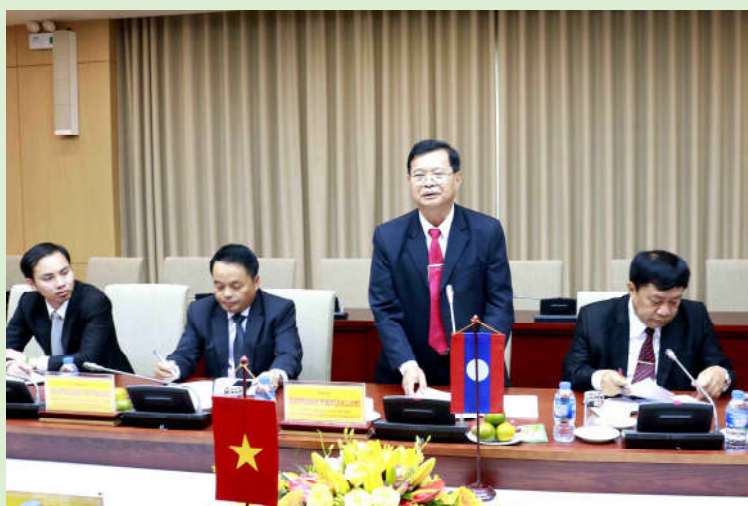
Tháng 5 - 2018

BỘ TRƯỞNG PHẠM HỒNG HÀ TIẾP PHÓ CHỦ TỊCH QUỐC HỘI LÀO

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2018



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tiếp Phó Chủ tịch Quốc hội Lào Somphan PHENGKHAMMY



Phó Chủ tịch Quốc hội Lào Somphan PHENGKHAMMY phát biểu tại buổi làm việc

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI CHÍN

10

SỐ 10 - 5/2018



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 7
- Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch phát động đợt thi đua cao điểm chào mừng kỷ niệm 70 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948 – 11/6/2018) 12

Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quy định về quản lý Vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh 13
- UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo trì hệ thống đường đô thị trên địa bàn thành phố 15

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(**Trưởng ban**)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠC
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH
ThS. PHẠM KHÁNH LY
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ KHCN “Nghiên cứu khung chính sách thúc đẩy và biên soạn tài liệu hướng dẫn phát triển công trình xanh ở Việt Nam” 19
- Nghiệm thu Đề tài "Nghiên cứu phá dỡ nhanh các cấu trúc xây dựng bằng phương pháp nổ vi sai" 20
- Hội nghị thẩm định Đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 21
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận đô thị Tịnh Biên mở rộng, tỉnh An Giang đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV 24
- Phân tích nguyên nhân và phương pháp giảm biến dạng của bê tông chất lượng cao 26
- Thời kỳ mới - công nghệ mới 30

Thông tin

- Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tiếp Phó Chủ tịch Quốc hội Lào 32
- Hội nghị triển khai phối hợp công tác giữa Ban Thường trực Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Xây dựng 33
- Ngành Xây dựng hưởng ứng Tháng hành động về ATVSLĐ năm 2018 35
- Viện Kiến trúc quốc gia trao giải cho các sản phẩm tiêu biểu giai đoạn 2014 - 2018 37
- Hội nghị triển khai thực hiện Đề án “Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng” 38
- Tình hình thực hiện các nhiệm vụ công tác Quý I của Bộ Xây dựng 40
- Trung Quốc thúc đẩy mở rộng ứng dụng vật liệu tường xanh kiểu mới 42
- Thiết bị nước nóng năng lượng mặt trời đầu tiên của Trung Quốc ra đời như thế nào? 44

**Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc
phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung
thành phố Hải Phòng đến năm 2035,
tầm nhìn đến năm 2050**

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 535/QĐ-TTg về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo đó, phạm vi, ranh giới quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính thành phố Hải Phòng, với diện tích 156.176 ha.

Mục tiêu

- Nâng cao vai trò vị thế của thành phố Hải Phòng trong khu vực và thế giới. Phát triển thành phố Hải Phòng thành thành phố cảng văn minh, hiện đại, thông minh và có bản sắc. Phát triển phù hợp với yêu cầu tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm kinh tế biển hàng đầu của cả nước, là trung tâm dịch vụ, công nghiệp công nghệ cao; trung tâm du lịch, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo và y tế của vùng duyên hải Bắc Bộ.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị hiện đại, đồng bộ; phát huy vai trò là hạt nhân, đầu mối giao thông quan trọng của cả nước, cửa chính ra biển của các địa phương phía Bắc.

Những yêu cầu trọng tâm nghiên cứu trong nội dung Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng

- Rà soát tổng thể về nội dung quy hoạch chung đã được phê duyệt năm 2009 và tình hình thực tiễn phát triển đô thị tại thành phố Hải

Phòng.

- Rà soát định hướng phát triển các khu vực đô thị, quỹ đất phát triển đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy mô các khu vực chức năng, đánh giá tính phù hợp với xu thế và vận hội phát triển thực tế của thành phố Hải Phòng.

- Bổ sung các nội dung mới về thiết kế đô thị, đánh giá môi trường chiến lược, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, hệ thống giao thông công cộng, hệ thống không gian ngầm đô thị, chiếu sáng trang trí đô thị.

- Nghiên cứu đề xuất các chỉ tiêu kiểm soát phát triển đô thị dựa trên hệ thống các phương pháp khoa học và cơ sở hiểu biết toàn diện về bảo tồn cảnh quan đô thị, khả năng cung ứng về hạ tầng kỹ thuật.

- Đảm bảo tính toàn diện, sáng tỏ và gợi mở về bức tranh phát triển để triển khai các công tác tiếp theo về lập Quy chế quản lý quy hoạch

- kiến trúc đô thị thành phố Hải Phòng; xây dựng các kế hoạch, Chương trình phát triển đô thị; cải tạo, chỉnh trang các khu vực hiện hữu, Điều chỉnh các quy hoạch phân khu, chi tiết trên địa bàn thành phố; tạo sự hấp dẫn đầu tư, tập trung nguồn lực phát triển vào những mục tiêu ưu tiên.

- Nghiên cứu đề xuất định hướng phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao trong đô thị.

Yêu cầu về nội dung hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng:

- Phân tích các lợi thế và hạn chế do vị trí tạo ra. Phân tích mức độ khai thác lợi thế vị trí mà thành phố đã và chưa đạt được;

- Đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng:

- Đánh giá điều kiện tự nhiên và môi trường: địa hình, địa mạo, địa chất thủy văn, khí hậu, gió, mưa, bão...

- Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội: Phân tích các chỉ tiêu về hiện trạng kinh tế - xã hội; các cơ sở kinh tế kỹ thuật chủ yếu trong thành phố mức độ phát triển của các ngành kinh tế chủ lực của thành phố; phân tích mô hình, không gian hoạt động và nhu cầu không gian để phát triển cho các ngành kinh tế, các lĩnh vực sản xuất, cùng các không gian liên quan. Rà soát các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo quy hoạch kinh tế - xã hội mới nhất của thành phố; các chỉ tiêu đánh giá đô thị loại I.

- Đánh giá hiện trạng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường trên các lĩnh vực:

+ Đánh giá thực trạng chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, cấp nước, cấp điện, thu gom xử lý nước thải, rác thải, nghĩa trang;

+ Hiện trạng các công trình đầu mối cấp vùng liên quan trực tiếp đến thành phố Hải Phòng;

+ Hiện trạng môi trường.

- Rà soát các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn thành phố: Tổng quan chung về các quy hoạch, Chương trình, dự án trong khu vực. Xem xét đánh giá đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng thành phố Hải Phòng (năm 2009), Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải.

Định hướng phát triển không gian đô thị:

- Xác định tầm nhìn của đô thị Hải Phòng đến năm 2050, phù hợp với các điều kiện hiện có của thành phố có thể đạt được trong tương lai dài hạn.

- Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật có liên quan đến xây dựng và sử dụng đất từng

khu vực.

- Đề xuất mô hình cấu trúc phát triển (khu vực đô thị trung tâm, các đô thị vệ tinh, khu kinh tế, khu du lịch, các vùng sinh thái, dự trữ phát triển mở rộng...)

+ Tổ chức các khu chức năng đô thị: Đề xuất quy mô và các giải pháp phân bổ hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội cấp vùng, cấp thành phố đảm bảo phát triển bền vững như (khu ở; khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, cảng và dịch vụ sau cảng; hệ thống trung tâm hành chính - chính trị, thành phố, cấp quận huyện; hệ thống không gian xanh; hệ thống phát triển các vùng khu du lịch, thể dục thể thao; hệ thống thương mại - dịch vụ, hệ thống y tế và công trình phúc lợi).

+ Thiết kế đô thị: Xác định các vùng kiến trúc, cảnh quan, các khu vực trung tâm, khu vực cửa ngõ của đô thị, trục không gian chính, quảng trường lớn, không gian cây xanh - mặt nước, điểm nhấn trong đô thị và đề xuất nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cho các khu đô thị hiện hữu và mở rộng.

Quy hoạch sử dụng đất đai:

- Xác định chức năng các khu vực; xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị; định hướng và nguyên tắc phát triển đối với từng khu chức năng; đề xuất kế hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn phát triển; xác định quỹ đất dự kiến xây dựng đô thị, ranh giới các khu vực đô thị và nông thôn.

Định hướng xây dựng khung hạ tầng kỹ thuật:

- Chuẩn bị kỹ thuật: Đề xuất các giải pháp cao độ nền và thoát nước mặt hợp lý cho các đô thị và các khu vực xây dựng khác; đảm bảo an toàn về lũ, úng; phòng tránh các hiểm họa thiên tai... nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Giao thông: Đề xuất các giải pháp quy hoạch mạng lưới giao thông (giao thông đối nội

và đối ngoại) bao gồm đường bộ, đường sắt, đường sắt đô thị (tuyến tàu điện ngầm, trên mặt đất, trên cao), cảng biển, đường hàng không, đường thủy nội địa kết nối hợp lý trong thành phố, toàn thành phố với toàn vùng.

+ Nghiên cứu, đề xuất giải pháp chống ùn tắc giao thông khu vực đô thị trung tâm hiện có.

- Cấp nước: Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước cho các khu vực, quy hoạch nguồn và mạng lưới đảm bảo sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước, tái sử dụng nguồn nước.

- Cấp điện và chiếu sáng đô thị: Xác định chỉ tiêu và tiêu chuẩn thiết kế phù hợp; dự báo nhu cầu sử dụng điện năng với phụ tải; đề xuất các giải pháp chọn nguồn, mạng lưới đảm bảo tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả; nghiên cứu đề xuất các nguồn cấp năng lượng tự nhiên khác.

- Thông tin liên lạc: Xác định mạng chuyển

mạch, mạng dịch vụ viễn thông, mạng ngoại vi và hệ thống truyền dẫn; đề xuất, phát triển cơ sở hạ tầng thông tin viễn thông đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đô thị hướng tới đô thị thông minh.

- Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang: Xác định chỉ tiêu và dự báo tổng lượng nước thải, chất thải rắn, đất nghĩa địa; các giải pháp thoát nước thải và thu gom xử lý chất thải rắn đảm bảo áp dụng kỹ thuật hiện đại, không gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái tự nhiên và cảnh quan đô thị. Vị trí và quy mô các nghĩa trang phù hợp địa hình tự nhiên, không làm ảnh hưởng đến cảnh quan đô thị.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 553/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Mục tiêu phát triển

- Phấn đấu đưa tỉnh Quảng Nam trở thành tỉnh phát triển khá của vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước. Cùng với việc mở rộng quan hệ hợp tác, kinh tế đối ngoại, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, Quảng Nam sẽ đầu tư có trọng tâm vào các ngành có lợi thế so sánh nhằm đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, hiệu quả, bền vững; chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển song song công nghiệp, xây dựng và dịch vụ; phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biên giới và biển đảo; chú

trọng phát triển nông nghiệp và nông thôn.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đột phá chiến lược, Chương trình giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Huy động mọi nguồn lực tạo bước đột phá trong thu hút đầu tư để phát triển kinh tế nhanh, bền vững gắn với bảo vệ môi trường; nâng cao đời sống người dân. Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện chất lượng giáo dục, đào tạo nghề; chú trọng đầu tư phát triển khoa học công nghệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và đảm bảo an sinh xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường và đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu. Giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Các chỉ tiêu cụ thể

Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 10 - 10,5%/năm; giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 9 - 10%/năm.

- Đến năm 2020: GRDP/người đạt 3.400 USD; cơ cấu kinh tế các ngành phi nông nghiệp chiếm khoảng 90%; ngành nông nghiệp chiếm khoảng 10%. Đến năm 2025: GRDP/người đạt khoảng 5.000 USD; cơ cấu kinh tế các ngành phi nông nghiệp chiếm hơn 92%, ngành nông nghiệp chiếm gần 8%.

Về xã hội

- Tốc độ gia tăng dân số bình quân 1,0%/năm trong suốt giai đoạn 2016 - 2025, dự kiến đến năm 2020 dân số toàn tỉnh đạt khoảng 1.570 nghìn dân, đến năm 2025 đạt khoảng 1.650 nghìn dân. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt trên 32% và đến 2025 đạt khoảng 46%.

- Đến năm 2020 cơ cấu lao động ngành nông lâm thủy sản chiếm 38,0%, công nghiệp - xây dựng chiếm 31,9%, dịch vụ chiếm 30,1%; đến năm 2025 ngành nông lâm thủy sản chiếm 29,0%, công nghiệp - xây dựng chiếm 38,8%, dịch vụ chiếm 32,2%.

- Lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt 65%, đến năm 2025 đạt 70 - 75%. Trong đó, lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ chiếm khoảng 25% và 35% vào năm 2025.

Về môi trường

- Tăng cường phủ xanh đất trống đồi núi trọc, phấn đấu tỷ lệ che phủ rừng đạt 52% vào năm 2020 và trên 53% vào năm 2025.

- Từng bước cải thiện chất lượng môi trường, bảo đảm nguồn nước hợp vệ sinh cho dân cư trên toàn tỉnh. Dân cư đô thị được sử dụng nước sạch đạt 100% vào năm 2020; tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh 95% vào năm 2020 và 100% vào năm 2025.

- Đến năm 2020: 90% chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại và 95% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường. Đến năm 2025: 95% chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại và 100% chất thải y tế

được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

Về an ninh quốc phòng

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Từng bước xây dựng Quảng Nam thành khu vực phòng thủ vững chắc, thực sự vững về chính trị, mạnh về kinh tế, văn hóa - xã hội, làm cơ sở, động lực củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực**Công nghiệp, xây dựng**

- Chú trọng quy hoạch phát triển công nghiệp, không để xung đột các Mục tiêu giữa phát triển công nghiệp và du lịch, không thực hiện những dự án có nguy cơ ảnh hưởng lớn tới môi trường. Tiếp tục rà soát, có cơ chế chính sách khuyến khích hơn nữa trong thu hút đầu tư, nhất là các dự án FDI có hàm lượng công nghệ cao vào các khu công nghiệp của tỉnh.

- Nhanh chóng xây dựng và hoàn chỉnh các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, kết hợp với khu đô thị dịch vụ công nghiệp và kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển công nghiệp theo vùng.

Thương mại, dịch vụ và du lịch

- Đẩy mạnh phát triển các ngành thương mại - dịch vụ đúng với tiềm năng đáp ứng nhu cầu đa dạng trong sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội, góp phần tích cực thúc đẩy tăng trưởng phát triển kinh tế, mở rộng thị trường. Nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm phục vụ du lịch. Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng, vận tải, bưu chính, viễn thông;

- Tiếp tục phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, đưa tỉnh Quảng Nam trở thành một trong những trung tâm du lịch lớn của khu vực Duyên hải miền Trung và cả nước. Mở rộng, nâng cấp hạ tầng các khu du lịch đã có, nhất là tại các khu vực Hội An, Mỹ Sơn, ven biển; đồng thời, mở rộng không gian du lịch về phía Nam và phía Tây của tỉnh. Tạo chuỗi liên kết du lịch với các tỉnh từ Thừa Thiên Huế đến Khánh Hòa

và các trung tâm du lịch lớn của cả nước.

Nông, lâm nghiệp và thủy sản gắn với xây dựng nông thôn mới

- Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; tăng cường liên kết theo chuỗi và ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị sản phẩm.

- Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa phục vụ cho nhu cầu đô thị, khu công nghiệp và du lịch, trên cơ sở đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm, đặc biệt ở địa bàn miền núi.

- Triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới tại các xã của tỉnh, cần lồng ghép các vấn đề bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội

- Về phát triển nguồn nhân lực:

+ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực cho các ngành kinh tế - xã hội, đặc biệt ưu tiên trong lĩnh vực du lịch;

+ Phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, phát triển dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp ở các thành phần kinh tế hỗ trợ tạo việc làm thu hút lao động.

- Giáo dục - đào tạo:

+ Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát huy hiệu quả, coi trọng 3 Mục tiêu: Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài để góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của đất nước.

- Y tế, chăm sóc sức khỏe:

+ Quy hoạch tổ chức sắp xếp hệ thống y tế theo chiến lược chung của ngành và các văn bản pháp lý liên quan, đảm bảo sự liên thông chỉ đạo, phối hợp, hỗ trợ kịp thời của các tuyến y tế cấp tỉnh, cũng như các đơn vị y tế trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và khu vực.

+ Tăng cường đầu tư, kiện toàn và nâng cao chất lượng y tế; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cả về chuyên môn và y đức, từng bước xây dựng ngành y tế Quảng Nam phát triển toàn

diện, chính quy và hiện đại.

- Văn hóa, thể dục, thể thao:

+ Bên cạnh kế hoạch trùng tu, tôn tạo và bảo tồn các di sản văn hóa vật thể; cần phát huy công tác bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể thông qua các lễ hội dân gian nhằm khai thác các tiềm năng phát triển du lịch.

+ Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của nhà bảo tàng, thư viện tỉnh và hệ thống thư viện cấp huyện, cấp xã, nhà triển lãm thông tin, nhà văn hóa trung tâm, các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, rạp chiếu bóng, xí nghiệp in, trung tâm vui chơi giải trí, quảng trường văn hóa, hệ thống công viên, tượng đài.

- Giảm nghèo và an sinh xã hội:

+ Tập trung nguồn lực làm tốt công tác xóa đói giảm nghèo, nhất là các huyện nghèo phía Tây của tỉnh và các vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- An ninh, quốc phòng:

+ Phát triển kinh tế - xã hội phải đi đôi với củng cố tăng cường công tác an ninh, quốc phòng. Phát triển thế trận toàn dân, đảm bảo địa bàn tỉnh luôn ổn định, tạo Điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

- Kết cấu hạ tầng:

a) Giao thông:

+ Xây dựng hệ thống giao thông đồng bộ có trọng điểm, kết nối chặt chẽ giữa hệ thống giao thông đối nội và đối ngoại. Phối hợp với cơ quan trung ương để hoàn thành đường bộ cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đường Đông Trường Sơn và sớm đầu tư nâng cấp tuyến quốc lộ: Hồ Chí Minh, 24C, 40B, 14B, 14D, 14E, 14G,... theo quy hoạch.

+ Đường thủy nội địa: Phối hợp chặt chẽ với Cục Đường thủy nội địa Việt Nam để quản lý các tuyến đường sông trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh, nhằm xây dựng phương án vận tải hợp lý và tổ chức khai thác hiệu quả, đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa

+ Đường hàng không: Khai thác, sử dụng có

hiệu quả và đầu tư nâng cấp mở rộng cảng hàng không quốc tế Chu Lai để dần chuyển thành trung tâm trung chuyển hàng hóa và sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay tầm cỡ khu vực; phát triển Trung tâm đào tạo và huấn luyện bay.

b) Thủy lợi, cấp nước:

+ Đầu tư phát triển mạng lưới thủy lợi đảm bảo cấp đủ nước cho sản xuất và sinh hoạt dân cư trong vùng. Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thành hệ thống các công trình thủy lợi: Phú Ninh, Việt An, đập dâng An Trạch, hồ Đồng Bò, kênh tưới mới Bình Nam - Bình Sa,...

+ Tổng công suất dự kiến cấp nước khu vực đô thị đến năm 2020 là 297 nghìn m³/ngày đêm, đến năm 2030 Khoảng 600 nghìn m³/ngày đêm. Thực hiện tốt cơ chế khuyến khích đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung, đặc biệt tại khu vực nông thôn.

c) Truyền tải và cung cấp điện:

+ Phát triển và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, góp phần thực hiện các mục tiêu môi trường bền vững và phát triển nền kinh tế xanh. Xây dựng các Chương trình phát triển hệ thống điện độc lập từ năng lượng tái tạo và điện quy mô gia đình cho khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo để đạt Mục tiêu đến năm 2020 hầu hết các hộ dân nông thôn có điện; đến năm 2030 hầu hết các hộ dân nông thôn được sử dụng nguồn năng lượng sạch, bền vững.

d) Bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin:

+ Quy hoạch, xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động thống nhất, đồng bộ. Triển khai việc ngầm hóa mạng cáp viễn thông, chỉnh trang hệ thống các cột anten theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đảm bảo yêu cầu về cảnh quan, môi trường, quy hoạch đô thị và an toàn kết cấu hạ tầng viễn thông.

- Khoa học, công nghệ:

+ Hình thành một số trung tâm nghiên cứu ứng dụng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương như: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ

cao, công nghệ thông tin, sinh học, tự động hóa, công nghệ vật liệu...

+ Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào nông nghiệp và nông thôn, công nghiệp và kết cấu hạ tầng, đẩy mạnh phổ cập tin học, kết nối rộng rãi mạng internet và các mạng nội bộ khác.

- Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu:

+ Đẩy mạnh công tác quy hoạch hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn, hệ thống xử lý nước thải tập trung và các công trình hạ tầng kỹ thuật môi trường khác; thực hiện các Chương trình phòng ngừa, ứng cứu bão lũ, sạt lở đất đá; các sự cố rủi ro trong hoạt động khai thác khoáng sản và hoạt động của các khu, cụm công nghiệp.

+ Quản lý, khai thác sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước theo phương thức tổng hợp, toàn diện; nâng cao hiệu quả sử dụng nước nhằm sử dụng nước bền vững, bảo vệ môi trường trước diễn biến của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và sự suy giảm nguồn nước; đồng thời xử lý tốt các vấn đề môi trường không khí, đất đai, rác thải,...

Định hướng tổ chức không gian lãnh thổ

1. Định hướng phát triển các vùng

a) Vùng đồng bằng ven biển (vùng phía Đông):

- Được xác định là vùng động lực của tỉnh, có khả năng phát triển nhanh. Các đô thị trung tâm là: Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Duy Xuyên và Núi Thành... Cùng với việc phát triển khu công nghiệp, khu du lịch các đô thị sẽ là hạt nhân động lực kích phát triển lan tỏa cho toàn vùng và đóng góp chủ yếu cho tốc độ tăng trưởng chung của cả tỉnh với các ngành chủ đạo là công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ.

b) Vùng trung du, miền núi (vùng phía Tây):

- Tiếp tục thực hiện quy hoạch sắp xếp, bố trí dân cư, xây dựng xã nông thôn mới theo đặc điểm sinh thái, tập quán văn hóa của người dân miền núi; ưu tiên di dời và sắp xếp dân cư các khu vực có nguy cơ rủi ro về thiên tai, xây dựng

các điểm định canh, định cư tập trung một cách bền vững; xây dựng các điểm dân cư tập trung, bố trí việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới.

- Nâng cao hiệu quả kinh tế rừng, khai thác sản phẩm dưới tán rừng, phát triển bền vững sản xuất và kinh doanh từ rừng.

- Phát triển du lịch cộng đồng trên nền tảng khai thác các giá trị văn hóa, lịch sử, sinh thái, các sản phẩm làng nghề, ngành nghề nông thôn như Làng nghề dệt thổ cẩm thôn Đờ - Rông, thôn Bờ Hồng (Tà Lu và Sông Kôn - Đông Giang), làng nghề dệt thổ cẩm Zara (Tà Bhing - Nam Giang), làng nghề Dó trầm hương (Quế Trung - Nông Sơn).

2. Định hướng phát triển đô thị, nông thôn

a. Phát triển đô thị:

- Xác định mạng lưới các đô thị trung tâm toàn tỉnh làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt thúc đẩy kết nối giữa khu vực đô thị với nông thôn và các vùng đặc biệt khó khăn tại các khu vực miền núi phía Tây của tỉnh.

- Mỗi điểm đô thị làm hạt nhân phát triển khu vực, đồng thời hoàn thiện hệ thống giao thông liên vùng đảm bảo kết nối các điểm đô thị với nhau tạo thành mạng lưới liên kết cứng. Các đô thị phát triển theo hướng tăng trưởng xanh, đồng thời khai thác hợp lý và sử dụng hiệu quả quỹ đất xây dựng, bảo tồn các không gian mở và không gian xanh hiện có.

b) Phát triển nông thôn:

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn theo hướng tăng cường kết nối toàn diện các điểm đô thị với khu vực nông thôn. Tổ chức, sắp xếp khu vực nông thôn theo hướng hình thành khu vực dân cư tập trung theo định hướng quy hoạch nông thôn mới. Thực hiện đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế kỹ thuật để nâng cao đời sống của người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các chính sách hỗ trợ người dân nông thôn phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập.

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật

cho khu vực nông thôn, củng cố nâng cao chất lượng mạng lưới trường học, trạm y tế xã, thôn bản, các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường,... theo các tiêu chí nông thôn mới. Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong nông nghiệp và nông thôn.

3. Khu vực hạn chế xây dựng, khu vực bảo tồn cảnh quan và môi trường

- Khu vực hạn chế xây dựng tại các vùng xảy ra động đất, sạt lở và có hiện tượng Castơ thuộc vùng núi Quảng Nam, các vùng bảo vệ nguồn nước sinh hoạt, quân sự, bảo vệ an ninh quốc phòng.

- Xác định 06 khu vực bảo tồn cảnh quan và môi trường, với tổng diện tích là 114.864,79 ha: Khu bảo tồn thiên nhiên Sông Thanh, khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi Chúa, vườn Quốc gia Bạch Mã, rừng đặc dụng Cù Lao Chàm, khu bảo tồn loài Sao La ở Tây Giang - Đông Giang.

Một số giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch

- Giải pháp vốn và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư: bao gồm vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn vay trong và ngoài nước; đa dạng hóa các hình thức huy động vốn hợp pháp ngoài nhà nước, ưu tiên đầu tư theo hình thức công tư (PPP); nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Giải pháp đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

+ Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên 3 lĩnh vực: Cán bộ lãnh đạo, quản lý; cán bộ khoa học, công nghệ; đội ngũ trí thức và công nhân, đáp ứng yêu cầu của hội nhập, phát triển. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút, tuyển dụng và sử dụng nhân tài, nhất là ở các ngành nghề mà tỉnh đang thiếu.

+ Nâng cao chất lượng đào tạo nghề; nâng cao chất lượng nguồn lao động xuất khẩu để tham gia sau vào thị trường lao động với yêu cầu ngày càng cao.

- Giải pháp về khoa học công nghệ và bảo

vệ môi trường:

+ Tăng cường hợp tác khoa học và công nghệ với các nước, hội nhập sâu về kinh tế và khoa học - công nghệ, nhất là với các nước trong khu vực; hợp tác với các địa phương trong vùng nhằm đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh; hình thành và phát triển một số cơ quan khoa học - công nghệ của tỉnh như: Công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, năng lượng, vật liệu mới.

+ Khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh đầu tư đổi mới công nghệ để giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư ít gây ô nhiễm môi trường. Từng bước sử dụng công nghệ sạch trong các ngành kinh tế - xã hội;

- Giải pháp về cơ chế chính sách, cải cách hành chính:

+ Rà soát, hoàn thiện, đơn giản, minh bạch hóa thủ tục hành chính và tăng cường trách nhiệm của các cơ quan chức năng trong việc giải quyết các yêu cầu của doanh nghiệp, tạo môi trường đầu tư chuyên nghiệp, thông thoáng, có sự đồng hành mọi lúc, mọi nơi giữa cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp triển khai dự án sau cấp phép.

+ Coi trọng và phát triển mạnh thị trường nội địa, chú trọng thị trường nông thôn vùng sâu, vùng xa, nâng cao khả năng tiêu thụ hàng hóa của nông dân. củng cố, ổn định thị trường xuất khẩu đã có và cần tìm thêm thị trường xuất khẩu mới cho các sản phẩm lợi thế của địa phương.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch phát động đợt thi đua cao điểm chào mừng kỷ niệm 70 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948 - 11/6/2018)

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 636/QĐ-BXD ban hành Kế hoạch phát động đợt thi đua cao điểm chào mừng kỷ niệm 70 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948 - 11/6/2018).

Mục đích, yêu cầu

- Nhằm kỷ niệm 70 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc, ôn lại truyền thống, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về vị trí, vai trò, tác dụng của phong trào thi đua yêu nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập quốc tế.

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu

nước, thực hiện tốt chủ đề đợt thi đua cao điểm “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả” trong toàn Ngành, tạo khí thế thi đua sôi nổi và rộng khắp trong mọi lĩnh vực, tạo động lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị và ngành Xây dựng năm 2018.

- Các phong trào thi đua, hoạt động kỷ niệm được tuyên truyền sâu rộng và tổ chức thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, gắn với tuyên truyền kỷ niệm 128 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Nội dung, hình thức tổ chức

- Tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua ái quốc, Chỉ thị số 22-CT/TW của Ban Bí thư về đẩy mạnh các

phong trào thi đua yêu nước hướng tới kỉ niệm 70 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc, Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và kế hoạch 05 năm (2016 – 2020) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”;

- Tổ chức các phong trào thi đua sôi nổi, hiệu quả; tập trung triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua trọng tâm “Ngành xây dựng chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển”, “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”...

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa to lớn của Lời kêu gọi thi đua ái quốc và tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua yêu

nước trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam 70 năm qua, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới.

- Các cơ quan, đơn vị trong Ngành tổ chức phát động thi đua cao điểm, lập thành tích chào mừng kỷ niệm 70 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc với nội dung thiết thực, bám sát các nhiệm vụ chính trị và các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện công tác khen thưởng kịp thời, công khai, minh bạch và đúng quy định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quy định về quản lý Vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, UBND tỉnh Quảng Ninh đã có Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Nội dung quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng (VLXD)

- Ban hành và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về VLXD; các quy định về hạn chế, khuyến khích đầu tư, sản xuất, kinh doanh, sử dụng, xuất, nhập khẩu VLXD, khoáng sản làm VLXD.

- Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường và làm nguyên liệu sản xuất xi măng;

- Thẩm định, đánh giá về công nghệ sản xuất VLXD; công nghệ chế biến khoáng sản

làm VLXD thông thường.

- Thẩm định các dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD, nguyên liệu sản xuất xi măng, vật liệu san lấp mặt bằng.

- Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương để áp dụng trong phạm vi của tỉnh đối với sản phẩm, hàng hóa VLXD đặc thù.

- Hướng dẫn công bố hợp quy, tiếp nhận công bố hợp quy; các quy định về an toàn, vệ sinh lao động, môi trường trong các hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD thông thường, nguyên liệu sản xuất xi măng, sản xuất VLXD.

- Hướng dẫn việc đầu tư, kinh doanh, theo quy định của pháp luật đối với hoạt động kinh doanh hàng hóa VLXD.

- Tổng hợp tình hình quản lý chất lượng các

sản phẩm, hàng hóa VLXD được sản xuất, lưu thông và đưa vào sử dụng trong các công trình xây dựng và hàng hóa VLXD xuất, nhập khẩu; tổng hợp tình hình khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD, nguyên liệu sản xuất xi măng, sản xuất VLXD.

- Công bố định kỳ giá VLXD trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; quản lý và sử dụng các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn trong khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất VLXD.

- Tổ chức thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, thu hồi, trả lại giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác và giấy phép tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản.

- Thanh tra, kiểm tra các hoạt động về thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng; khai thác, sản xuất vật liệu san lấp mặt bằng; sản xuất kinh doanh VLXD trên địa bàn tỉnh.

Quản lý quy hoạch phát triển VLXD

- Lập, thẩm định trình phê duyệt quy hoạch phát triển VLXD trên địa bàn tỉnh theo quy định tại mục 1, chương 2, Nghị định 24a/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý VLXD.

- Quản lý quy hoạch thăm dò khai thác và sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng

- Tổ chức lập, thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Mục 2, Chương 2 Nghị định 24a/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý VLXD.

Quản lý Dự án khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD thông thường, khai thác, chế biến khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng

Về lĩnh vực khoáng sản:

- Giấy phép khai thác khoáng sản của cấp có thẩm quyền cấp theo quy định của Điều 82

Luật khoáng sản số 60/2010/QH12.

- Giấy phép gia hạn khai thác khoáng sản (nếu có).

- Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công được thẩm định, phê duyệt theo quy định của Thông tư 26/2016/TT-BCT của Bộ Công thương “Quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản”.

- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản định kỳ, báo cáo kiểm kê trữ lượng mỏ hàng năm.

- Sản phẩm được chế biến từ khoáng sản làm VLXD phải được công bố chất lượng theo quy định của QCVN 16:2016;

Về lĩnh vực môi trường:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ “quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường”.

Quản lý sản xuất VLXD (gạch, ngói, gạch ốp lát, vôi)

- Dự án đầu tư sản xuất VLXD phải phù hợp với quy hoạch phát triển VLXD, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch khác có liên quan, được cấp có thẩm quyền cho phép và được chấp thuận đầu tư theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giấy phép xây dựng được cấp theo quy định Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, Thông tư số 15/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp phép xây dựng, Quyết định số

3272/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc “Ban hành quy định về cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

- Sản phẩm VLXD đưa ra thị trường phải được công bố chất lượng phù hợp theo QCVN 16:2014/BXD hoặc phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng.

Quản lý dự án sản xuất VLXD không nung

- Dự án sản xuất VLXD không nung phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Các loại nguyên liệu là phụ gia, phế thải của các ngành công nghiệp khác dùng để sản xuất vật liệu không nung phải được kiểm nghiệm có kết quả phù hợp để sản xuất VLXD, được vận chuyển, lưu giữ tại các kho, bãi, phương tiện vận chuyển phải đảm bảo các quy định về môi trường và phù hợp các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Sản phẩm VLXD không nung đưa ra thị trường phải được công bố chất lượng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2016/BXD hoặc phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng.

Quản lý kinh doanh VLXD

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh VLXD phải có địa điểm kinh doanh phù hợp được cấp có thẩm quyền cho phép; có biển ghi rõ tên cửa hàng, tên tổ chức, cá nhân kinh doanh.

- Hàng hóa VLXD phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được công bố chất lượng sản phẩm

theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về Thương mại, Xây dựng, Khoáng sản, Đất đai, Môi trường, Lao động và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Quản lý chất lượng sản phẩm VLXD

- Sản phẩm VLXD tham gia thị trường phải đạt tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật đã công bố.

- Những sản phẩm VLXD chưa có tiêu chuẩn quốc gia thì nhà sản xuất phải có trách nhiệm công bố tiêu chuẩn áp dụng và phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất.

Quản lý hàng hóa VLXD xuất nhập khẩu

- Tổ chức, cá nhân xuất khẩu hàng hóa VLXD phải thực hiện đầy đủ các quy định tại Khoản 1, Điều 36, Nghị định 24a/2016/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý VLXD.

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa VLXD thực hiện đầy đủ các quy định tại Khoản 2, Điều 36, Nghị định 24a/2016/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý VLXD. Sản phẩm VLXD nhập khẩu phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và được công bố phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam (đối với hàng hóa đã có quy chuẩn).

Quyết định này có hiệu lực từ 01/5/2018.

**Xem toàn văn tại
(www.quangninh.gov.vn)**

UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo trì hệ thống đường đô thị trên địa bàn thành phố

Ngày 03 tháng 5 năm 2018, UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo trì hệ thống đường đô thị trên địa bàn thành phố.

Quy định về thẩm quyền quản lý hệ

thống đường đô thị

- Thẩm quyền quản lý hệ thống đường đô thị được quy định tại các văn bản quy định về phân cấp hiện hành được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt.

- Căn cứ quy định về phân cấp hiện hành,

cơ quan quản lý đường đô thị có trách nhiệm triển khai thực hiện công tác quản lý hệ thống đường đô thị, giao cho đơn vị trực thuộc làm đầu mối ký hợp đồng thực hiện công tác quản lý, bảo trì thường xuyên với đơn vị chuyên ngành theo quy định.

Quy định về công tác quy hoạch liên quan đến hệ thống đường đô thị

Công tác quy hoạch liên quan đến hệ thống đường đô thị, tuân thủ: Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội; quy hoạch phân khu; các quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác có liên quan.

Quy định về công tác thiết kế, xây dựng liên quan đến hệ thống đường đô thị

- Công tác lập dự án, khảo sát, thiết kế, thi công, giám sát thi công xây dựng các công trình thuộc hệ thống đường đô thị phải tuân thủ các quy định của Luật Xây dựng; Công tác quản lý chất lượng công trình phải tuân thủ theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng, Thông tư số 26/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, Quyết định số 49/2013/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Trong quá trình thực hiện công tác khảo sát, thiết kế, thi công, xây dựng, chủ đầu tư phải có sự phối hợp và lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý đường đô thị, cơ quan quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan để việc xây dựng công trình được đồng bộ, an toàn, đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Việc đầu tư xây dựng, sửa chữa hè phố phải tuân theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành, hướng dẫn nêu tại Thiết kế mẫu hè phố

được UBND Thành phố phê duyệt và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Quy định về sử dụng, khai thác đường đô thị

Quy định về sử dụng chung hệ thống đường đô thị

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung hệ thống đường đô thị phải tuân thủ: Nghị định số 72/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; Nghị định số 39/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; Quyết định số 56/2009/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về quản lý, xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị và cải tạo, sắp xếp lại các đường dây, cáp đi nổi trên địa bàn thành phố Hà Nội và các quy định hiện hành khác liên quan;

- Các tổ chức, cá nhân sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm tháo dỡ, thu hồi, cải tạo, sửa chữa các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung khi các công trình này không còn khả năng sử dụng; bỏ không hoặc không còn nhu cầu sử dụng, không đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường, mất mỹ quan đô thị.

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung hệ thống đường đô thị nếu có các hư hỏng, sự cố ảnh hưởng đến hệ thống đường đô thị thì cơ quan chủ quản và đơn vị trực tiếp quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật phải có trách nhiệm: chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan khắc phục, sửa chữa ngay để đảm bảo an toàn giao thông, phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu các công trình hạ tầng kỹ thuật gây mất an toàn cho người tham gia giao thông.

Yêu cầu khi sử dụng tạm thời đường đô thị ngoài mục đích giao thông

- Tuân thủ các yêu cầu quy định tại Luật Giao thông đường bộ, mục IV phần II Thông tư

số 04/2008/TT-BXD ngày 20/02/2008 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn quản lý đường đô thị và các quy định hiện hành có liên quan.

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời một phần đường đô thị ngoài mục đích giao thông phải được sự chấp thuận, cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định trong giấy phép.

- Tổ chức, cá nhân khi sử dụng tạm thời một phần đường đô thị ngoài mục đích giao thông phải bố trí lối đi thuận tiện, an toàn cho người đi bộ và phương tiện giao thông; không được làm hư hỏng kết cấu hạ tầng đường đô thị; giữ gìn cảnh quan, vệ sinh môi trường.

- Hạn chế sử dụng tạm thời hè phố ngoài mục đích giao thông trong các khung giờ có mật độ các phương tiện tham gia giao thông cao (từ 7h - 9h và 16h - 19h) và vào các ngày lễ, tết, kỳ cuộc để đảm bảo an ninh, trật tự.

- Tổ chức, cá nhân khi sử dụng đường đô thị ngoài mục đích giao thông phải đóng đầy đủ phí sử dụng theo quy định được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân ứng dụng công nghệ thông tin khi sử dụng đường đô thị ngoài mục đích giao thông.

Quy định về cấp phép thi công xây dựng công trình trên hệ thống đường đô thị

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thi công xây dựng công trình trên hệ thống đường đô thị phải được cơ quan quản lý đường đô thị có thẩm quyền theo phân cấp chấp thuận, cấp phép.

- Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, cấp giấy phép thi công cho tổ chức, cá nhân có hồ sơ hợp lệ theo đúng các thủ tục hành chính hiện hành được cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định.

- Khi cấp giấy phép, cơ quan cấp phép phải thông báo cho Sở Giao thông vận tải, chính

quyền nơi sẽ thi công xây dựng để cùng kiểm tra, giám sát, hướng dẫn tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện theo giấy phép được cấp.

- Những yêu cầu đối với các tổ chức, cá nhân thi công công trình hạ tầng kỹ thuật:

+ Phải tuân thủ các quy định nêu tại Chương VI Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và các quy định hiện hành khác có liên quan.

+ Đối với công trình có ảnh hưởng lớn đến sự lưu thông của các phương tiện tham gia giao thông, phải có biện pháp tổ chức thi công, phương án phân luồng, đảm bảo giao thông thích hợp và có sự thống nhất của liên ngành Sở Giao thông vận tải, Công an thành phố Hà Nội, UBND cấp huyện sở tại và các bên liên quan;

+ Khi tổ chức thi công trên hè phố, phải đảm bảo lối đi cho người đi bộ tối thiểu 1,5m.

+ Các công trình nổi trên hè phố, lòng đường ngoài tuân thủ các nội dung trong quy định này còn phải tuân thủ Quyết định số 56/2009/QĐ-UBND ngày 27/3/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về quản lý, xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị và cải tạo, sắp xếp lại các đường dây, cáp đi nổi trên địa bàn thành phố Hà Nội, và một số quy định khác có liên quan.

+ Tuân thủ đầy đủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng nêu tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng về việc Quy

định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Các hành vi, hoạt động bị cấm khi sử dụng, khai thác đường đô thị

- Các hành vi, hoạt động bị cấm khi sử dụng, khai thác đường đô thị được quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật Giao thông đường bộ, Thông tư 04/2008/TT-BXD ngày 20/02/2008 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn quản lý đường đô thị và các quy định khác có liên quan.

- Mọi hành vi vi phạm quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, mỹ quan đô thị, vệ sinh môi trường bị xử lý theo Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ

về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt và các quy định hiện hành có liên quan.

- Cấm sử dụng tạm thời hè phố ngoài mục đích giao thông trong những trường hợp không được cho phép nêu tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các quy định có liên quan.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 13/05/2018.

Xem toàn văn tại (www.hanoi.gov.vn)

Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ KHCN “Nghiên cứu khung chính sách thúc đẩy và biên soạn tài liệu hướng dẫn phát triển công trình xanh ở Việt Nam”

Ngày 22/5/2018, tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ KHCN “Nghiên cứu khung chính sách thúc đẩy và biên soạn tài liệu hướng dẫn phát triển công trình xanh ở Việt Nam”. Chủ tịch Hội đồng thẩm định - Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị.

Trình bày dự thảo thuyết minh Nhiệm vụ, đại diện đơn vị thực hiện - Viện Kiến trúc quốc gia, Phó Viện trưởng, PSG.TS.KTS Phạm Thúy Loan cho biết, công trình xanh là công trình trong cả vòng đời của nó, từ giai đoạn lựa chọn địa điểm, thiết kế, thi công, vận hành, sử dụng cho đến giai đoạn sửa chữa, cải tạo nâng cấp, tái sử dụng đều đạt được các tiêu chí: Sử dụng hợp lý tài nguyên năng lượng, nước, vật liệu, giảm thiểu đến mức nhỏ nhất các tác động xấu đối với môi trường và sức khỏe con người, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và di tích lịch sử, tạo điều kiện sống tốt nhất cho con người.

PSG.TS.KTS Phạm Thúy Loan cho biết, hiện nay công trình xanh đã trở thành xu hướng toàn cầu do tính cấp bách của các vấn đề như biến đổi khí hậu, tiết kiệm năng lượng, khan hiếm nước sạch cũng như các vấn đề suy thoái môi trường nói chung. Ở Việt Nam, tính đến tháng 5/2017 có khoảng 57 công trình xanh, ít hơn nhiều so với một số quốc gia trong khu vực (Singapore là 3.000 công trình). Do đó, Nhiệm vụ KHCN “Nghiên cứu khung chính sách thúc đẩy và biên soạn tài liệu hướng dẫn phát triển công trình xanh ở Việt Nam” là rất cần thiết nhằm thúc đẩy phát triển công trình xanh ở Việt Nam.

Các mục tiêu cụ thể của Nhiệm vụ được xác định, bao gồm: Đánh giá tổng quan tình hình phát triển công trình xanh ở Việt Nam, đặc biệt chú trọng đến các chủ thể chính trong lĩnh vực xây dựng công trình xanh và các vấn đề liên



Toàn cảnh Hội nghị

quan đến thể chế và thị trường; Nghiên cứu và phân tích kinh nghiệm xây dựng và áp dụng các chính sách thúc đẩy phát triển công trình xanh tại một số nước trên thế giới; Đề xuất khung chính sách thúc đẩy phát triển công trình xanh cho thị trường xây dựng Việt Nam; Biên soạn tài liệu hướng dẫn phát triển công trình xanh nhằm phổ biến kiến thức, thông tin, kết nối và hỗ trợ các chủ thể liên quan phát triển công trình xanh.

Theo PSG.TS.KTS Phạm Thúy Loan, trong lĩnh vực công trình xanh hiện nay, Việt Nam còn thiếu các giải pháp cụ thể nhằm đưa các chủ trương (Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020, Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020) thành hành động thực tiễn, bao gồm các công cụ bắt buộc bằng pháp luật hay các công cụ tự nguyện bằng khuyến khích sự lựa chọn của thị trường. Do đó, Nhiệm vụ sẽ tiến hành rà soát và đánh giá các công cụ pháp lý theo cả 2 hướng bắt buộc và khuyến khích đối với thị trường xây dựng, theo hướng xanh và tiết kiệm tài nguyên, đồng thời xây dựng các chính sách và giải pháp kết nối các nhóm chuyên môn và các chủ đầu

tư, các cơ quan quản lý nhà nước để khai thác tối đa nguồn nhân lực, thúc đẩy hiệu quả tích hợp tiềm lực của các bên liên quan.

Hiện nay, ở Việt Nam đã có một số công cụ đánh giá và chứng nhận công trình xanh uy tín như: LOTUS, EDGE hay các bộ công cụ của nước ngoài được áp dụng như LEED (Mỹ), Green Mark (Singapore). Tuy nhiên, việc phổ biến các công cụ này chủ yếu dựa vào nỗ lực của nhà cung cấp, trong khi các chủ đầu tư còn nhiều băn khoăn giữa lựa chọn có tham gia công trình xanh hay không và về mặt thủ tục thì làm như thế nào.

Tại hội nghị, các thành viên Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng đóng góp ý kiến để giúp nhóm tác hoàn chỉnh dự thảo thuyết minh Nhiệm vụ, đề nghị nhóm tác giả nêu rõ hơn về sản phẩm đầu ra, kế thừa những nghiên cứu liên quan đến công trình xanh, tổ chức các hội thảo khoa học nhằm tổng hợp ý kiến của chuyên gia, các nhà

quản lý và chủ đầu tư.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh nhấn mạnh, phát triển công trình xanh là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Bộ Xây dựng đã được Thủ tướng Chính phủ giao. Trên cơ sở các ý kiến của Hội đồng thẩm định, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đề nghị Viện Kiến trúc quốc gia xem xét lại tiêu đề Nhiệm vụ nhằm bám sát với những nội dung, nhiệm vụ được giao, đảm bảo sản phẩm đầu ra quan trọng nhất của Nhiệm vụ là xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn đánh giá công trình xanh.

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cũng yêu cầu nhóm tác giả kế thừa những thành quả nghiên cứu KHCN về công trình xanh đã được các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng thực hiện, nhằm giảm chi phí và tiết kiệm thời gian, nhân lực trong quá trình triển khai Nhiệm vụ.

Trần Đình Hà

Nghiệm thu Đề tài "Nghiên cứu phá dỡ nhanh các cấu trúc xây dựng bằng phương pháp nổ vi sai"

Ngày 23/5/2018 tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức nghiệm thu kết quả nghiên cứu của Đề tài "Nghiên cứu phá dỡ nhanh các cấu trúc xây dựng bằng phương pháp nổ vi sai" do Học viện Kỹ thuật quân sự thực hiện.

Báo cáo tóm tắt các kết quả nghiên cứu, thay mặt nhóm đề tài, Đại tá Trần Văn Doanh cho biết, trong thực tế có nhu cầu về việc phá dỡ các công trình bê tông cốt thép cao tầng mà vị trí và trạng thái công trình khó triển khai các phương pháp phá dỡ thông thường, trong điều kiện phải đảm bảo tiến độ, an toàn và giảm thiểu tác động đến môi trường, việc sử dụng phương pháp nổ vi sai trong công tác phá dỡ đã chứng minh được tính ưu việt và được thực hiện ở nhiều nước trên thế giới.

Tuy nhiên, ở Việt Nam, phương pháp nổ vi sai trong phá dỡ các công trình bê tông cốt thép



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng cao tầng hoặc các kết cấu bê tông cốt thép dạng tháp còn ít được sử dụng do thiếu cơ sở pháp lý, chưa có tiêu chuẩn tương ứng. Đề tài "Nghiên cứu phá dỡ nhanh các cấu trúc xây dựng bằng phương pháp nổ vi sai" là công trình nghiên cứu đầu tiên trong lĩnh vực phá dỡ công trình bằng phương pháp nổ, sẽ là tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo nhằm hoàn thiện tiêu

chuẩn, cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng phương pháp nổ vi sai trong phá dỡ các công trình bê tông cốt thép cao tầng ở Việt Nam.

Tại cuộc họp nghiệm thu, Đại tá Trần Văn Doanh đã báo cáo Hội đồng các nội dung cụ thể của 6 chuyên đề nghiên cứu - nội dung cốt lõi của Báo cáo tổng hợp Đề tài, bao gồm: Phương pháp lựa chọn thuốc nổ phá dỡ công trình xây dựng; Phương pháp xác định vị trí lượng nổ để phá hủy công trình; Phương pháp tính toán lượng nổ và thiết kế mạch nổ; Thiết kế mạch nổ vi sai điều khiển nổ phá hủy công trình; Phương pháp đánh giá tác động phá hủy công trình bằng phương pháp nổ đối với môi trường; Quy trình tổ chức thực hiện nổ phá hủy công trình.

Nhận xét về các kết quả nghiên cứu của Đề tài, các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng đều đánh giá cao sự cần thiết của Đề tài cũng như nỗ lực của nhóm tác giả, đồng thời cũng đóng góp nhiều ý kiến để nhóm tác giả hoàn thiện Đề tài.

Theo đó, các chuyên gia phản biện cho rằng, việc nghiên cứu ứng dụng phương pháp nổ vi sai để phá dỡ công trình được giao cho Học viện kỹ thuật quân sự là phù hợp; báo cáo tổng hợp của Đề tài có bố cục mạch lạc, nhiều

thông tin mới, tin cậy. Tuy nhiên trong các báo cáo chuyên đề còn nhiều sai sót về thuyết minh bản vẽ, thiếu bảng ký hiệu chữ viết tắt, chú thích các ký hiệu cũng như trích dẫn các tài liệu tham khảo.

Bên cạnh đó, các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng cũng đề nghị nhóm tác giả làm rõ thêm trong báo cáo về điều kiện xác định độ cao mặt cắt nổ, độ lớn của vùng phá hủy và mạch nổ, các giới hạn đối với kết cấu công trình cần phá hủy...

Phát biểu kết luận, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu - TS. Lê Minh Long (Viện KHCN Xây dựng - Bộ Xây dựng) đánh giá cao kết quả nghiên cứu của nhóm đề tài, sản phẩm đề tài đáp ứng mục tiêu đề ra. TS. Lê Minh Long đề nghị nhóm đề tài tiếp thu ý kiến của Hội đồng, bổ sung và làm rõ thêm mục tiêu, đối tượng, phạm vi của Đề tài; bổ sung phân tích kết cấu các loại công trình phù hợp với phương pháp phá dỡ nổ vi sai, bổ sung phần tổng quan về phương pháp nổ vi sai trong phá dỡ công trình trên thế giới và Việt Nam... để hoàn thiện Báo cáo.

Đề tài đã được Hội đồng bỏ phiếu thông qua với kết quả xếp loại Khá./.

Minh Tuấn

Hội nghị thẩm định Đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035

Ngày 24/5/2018, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035. Chủ tịch Hội đồng thẩm định - Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị.

Trình bày tóm tắt thuyết minh Đồ án, đại diện đơn vị lập quy hoạch - Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn quốc gia cho biết: Đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 được lập dựa trên Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng Vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại

Quyết định số 870/QĐ-TTg ngày 24/5/2016.

Theo đó, tỉnh Bình Định là một trong 5 tỉnh nằm trong địa bàn vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) miền Trung, có vị trí địa kinh tế đặc biệt quan trọng. Nằm ở trung điểm của trục giao thông đường sắt và đường bộ Bắc - Nam, có cảng hàng không Phù Cát, đồng thời là cửa ngõ ra biển Đông gần nhất và thuận lợi nhất của Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Đông Bắc Thái Lan thông qua Quốc lộ 19 và cảng biển quốc tế Quy Nhơn. Bên cạnh đó, Bình Định còn có nguồn tài nguyên tự nhiên và nhân

văn phong phú. Bờ biển dài, nhiều vũng vịnh với những bãi tắm đẹp và danh lam thắng cảnh biển hài hòa, hấp dẫn như bán đảo Phương Mai, bãi tắm Hoàng Hậu, bãi biển Tam Quan, đảo yến. Đặc biệt, Bình Định từ lâu đã nổi tiếng là quê hương võ nghệ cổ truyền Việt Nam nơi nhiều anh hùng hào kiệt dân tộc mà tiêu biểu là Nguyễn Huệ với phong trào Tây Sơn.

Trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 54/2009/QĐ-TTg ngày 14/4/2009) Bình Định được xác định sẽ trở thành tỉnh có nền công nghiệp hiện đại và là một trong những trung tâm phát triển về kinh tế - xã hội, đóng góp tích cực vào sự phát triển của Vùng KTTĐ miền Trung và cả nước. Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 12/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch xây dựng vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đã xác định Vùng KTTĐ miền Trung - vùng Trung Trung bộ là vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội cho miền Trung và Tây Nguyên, trong đó xác định tính chất, vai trò và vị thế của Vùng tỉnh Bình Định trở thành đầu mối trung chuyển và một trung tâm thương mại chế biến của vùng Mê Kông lớn và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, phát triển cụm cảng Quy Nhơn gắn với khu kinh tế Nhơn Hội với các hoạt động kinh tế cảng biển, dịch vụ cảng biển, du lịch, các khu công nghiệp Phú Tài và Long Mỹ và chuỗi các Khu cụm công nghiệp dọc QL 19. Phát triển thành phố Quy Nhơn là cầu nối chuyển tiếp giữa vùng KTTĐ miền Trung với tiểu vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, phát triển Khu du lịch nghỉ dưỡng biển Phương Mai - Núi Bà, phát triển các loại hình du lịch nghỉ dưỡng biển quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch biển Vùng du lịch duyên hải Nam Trung Bộ.

Quyết định số 846/2006/QĐ-UBND ngày 15/12/2006 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Bình Định



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại Hội nghị

đến năm 2020 đã định hướng đến năm 2020 tỉ lệ đô thị hóa là 52%, có 25 đô thị trong tỉnh.

Từ năm 2006 đến năm 2016 hệ thống đô thị toàn tỉnh đã có những bước phát triển, đạt được những mục tiêu đề ra, nâng cao tỉ lệ đô thị hóa. Toàn tỉnh có 15 đô thị, đã định hướng phát triển thành phố Quy Nhơn là đô thị trọng điểm cấp vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, là đô thị loại I; thị xã An Nhơn là đô thị loại IV và từng bước phát triển trở thành đô thị trung tâm tiểu vùng phía Nam; đô thị Bồng Sơn được công nhận là đô thị loại IV và trở thành đô thị trung tâm tiểu vùng phía Bắc; và 12 đô thị loại V. Theo niên giám thống kê tỉnh Bình Định năm 2016, tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh Bình Định đạt 33,2% (theo số liệu thống kê của Bộ Xây dựng tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc năm 2016 khoảng 34%).

Theo Đồ án, quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 có mục tiêu tổng quát là: Cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng KTTĐ miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; phát huy lợi thế so sánh về vị trí chiến lược và tiềm năng về kinh tế biển nhằm xây dựng hệ thống đô thị - nông thôn tỉnh Bình Định phát triển bền vững trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội - môi trường và đảm bảo an ninh quốc phòng; đồng thời nâng cao vị thế của tỉnh, tạo sức lan tỏa đến khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và khu vực Đông Nam Á.

Các mục tiêu cụ thể của Đồ án quy hoạch

xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 là: Xây dựng mô hình không gian tỉnh Bình Định phát triển linh hoạt và hiệu quả. Phát triển hệ thống đô thị - nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh, khả thi và phù hợp với xu thế hội nhập sẵn sàng ứng phó với biến đổi khí hậu; Xây dựng khung hạ tầng kỹ thuật diện rộng, các công trình đầu mối kỹ thuật kết nối đồng bộ với hệ thống đô thị, các khu động lực kinh tế và hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia; Xây dựng thành phố Quy Nhơn trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển của quốc gia, theo định hướng dịch vụ - cảng biển - công nghiệp - du lịch, trọng tâm là dịch vụ - cảng biển tạo sức lan tỏa đến hệ thống đô thị toàn tỉnh Bình Định và vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên. Phát triển khu kinh tế Nhơn Hội làm động lực quan trọng phát triển kinh tế xã hội; Khai thác hiệu quả tiềm năng về nhân văn, sinh thái, cảnh quan để phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch gắn với bảo vệ môi trường; là cơ sở pháp lý triển khai quy hoạch xây dựng đô thị và các khu chức năng đặc thù, lập chương trình kế hoạch phát triển đô thị tỉnh Bình Định.

Phạm vi lập quy hoạch vùng tỉnh Bình Định có tổng diện tích 6050 km², bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của tỉnh, gồm 11 đơn vị hành chính, trong đó thành phố Quy Nhơn là đô thị loại I là đô thị tỉnh lỵ, thị xã An Nhơn, đô thị Bồng Sơn, đô thị Phú Phong là đô thị loại IV và các thị trấn huyện lỵ là đô thị loại V. Phạm vi ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi; Phía Nam giáp tỉnh Phú Yên; phía Đông giáp biển Đông; Phía Tây giáp tỉnh Gia Lai. Quy mô dân số toàn khu vực lập quy hoạch theo số liệu năm 2016 là 1,52 triệu người, dự báo đến năm 2035 là khoảng 1,7 triệu người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 50%; Dự kiến đến năm 2035, đất xây dựng đô thị thuộc vùng tỉnh Bình Định khoảng 13.000 - 16.500 ha.

Theo Đồ án, vùng tỉnh Bình Định là vùng kinh tế tổng hợp thuộc vùng KTTĐ miền Trung, có các ngành kinh tế chủ đạo là kinh tế biển,



Toàn cảnh Hội nghị

công nghiệp lọc hóa dầu, dịch vụ chất lượng cao, nông nghiệp công nghệ cao; trung tâm công nghiệp năng lượng sạch; văn hóa, du lịch biển, du lịch văn hóa và sinh thái cảnh quan, thương mại - dịch vụ, dịch vụ vận tải biển, y tế, giáo dục đào tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ của vùng duyên hải miền Trung và Tây Nguyên. Đồng thời tỉnh Bình Định cũng là đầu mối giao lưu kinh tế - xã hội của vùng KTTĐ miền Trung, vùng duyên hải Nam Trung Bộ và vùng Tây Nguyên; Cửa ngõ của vùng Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia, Thái Lan ra biển Đông. Là địa bàn chiến lược, quan trọng về quốc phòng, an ninh khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 có định hướng phân vùng phát triển như sau: a) Tiểu vùng số 1: Vùng kinh tế phát triển tổng hợp bao gồm: thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn và các huyện: Tuy Phước, Vân Canh, Phù Cát, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh (thành phố Quy Nhơn là đô thị trung tâm tiểu vùng). Định hướng phát triển: Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh; phát triển công nghiệp, cảng biển, logistic dựa trên các lợi thế về đầu mối giao thông Vùng - Quốc gia; phát triển du lịch biển gắn với văn hóa lịch sử; phát triển chuyên sâu lĩnh vực đào tạo giáo dục, y tế. b) Tiểu vùng số 2: Vùng phát triển kinh tế nông nghiệp, chế biến công nghệ cao, bao gồm: Phù Mỹ, Hoài Nhơn, An Lão, Hoài Ân (Hoài Nhơn là đô thị trung tâm tiểu vùng). Định

hướng phát triển: Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, phát triển nông nghiệp, du lịch sinh thái.

Nội dung nghiên cứu của Đồ án bao gồm: Đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng và các nguồn lực phát triển vùng; Các tiền đề phát triển vùng; Định hướng phát triển không gian vùng; Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật; Các dự án ưu tiên đầu tư; Cơ chế, chính sách quản lý phát triển vùng...

Thảo luận về Đồ án tại Hội nghị, các thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá Đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 đã được triển khai bài bản, đúng quy định của pháp luật; Đồ án đã cụ thể hóa được các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định, là cơ sở để hoạch định chiến lược phát triển không gian của các huyện, thành phố trong tỉnh; kết nối hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phát triển đồng bộ phù hợp với khả năng đô thị hóa và đầu tư xây dựng hệ thống đô thị trên địa bàn toàn tỉnh theo các giai đoạn đến năm 2020, 2025 - 2035 và sau 2035.

Các thành viên Hội đồng thẩm định cũng đóng góp một số ý kiến, đề nghị đơn vị lập Đồ án làm rõ, bổ sung và hoàn thiện Đồ án.

Theo các chuyên gia của Hội đồng thẩm định, Bình Định là tỉnh có nhiều tiềm năng về phát triển du lịch, tuy nhiên việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch chưa đồng đều. Vì vậy, trong Đồ án này cần hoạch định rõ

các dự án hạ tầng cấp thiết phục vụ cho phát triển du lịch nói riêng và cho kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định nói chung; có giải pháp quy hoạch mang tính đột phá; cần xác định rõ quỹ đất dành cho phát triển du lịch cũng như nội dung định hướng phát triển khu kinh tế - công nghiệp trên địa bàn tỉnh; vấn đề khai thác thế mạnh cảng biển nước sâu...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đánh giá về cơ bản đơn vị tư vấn lập quy hoạch đã tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành trong Đồ án. Tuy nhiên đơn vị lập quy hoạch cần bổ sung hoàn thiện thêm một số nội dung như: đánh giá, phân tích hiện trạng đô thị và nông thôn, hiện trạng sử dụng đất đã thực hiện đến đâu so với quy hoạch của tỉnh đã được duyệt; làm rõ hơn vấn đề tái cấu trúc đô thị; nhu cầu sử dụng đất; bổ sung phân tích các giải pháp nguồn lực; cập nhật bổ sung Quyết định điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nhơn Hội vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đề nghị đơn vị lập đồ án tiếp thu đầy đủ ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng, sớm hoàn thiện Đồ án, để Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng Vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035.

Ninh Hoàng Hạnh

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận đô thị Tịnh Biên mở rộng, tỉnh An Giang đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV

Ngày 25/5/2018, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận đô thị Tịnh Biên mở rộng, tỉnh An Giang đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV. Ông Nguyễn Tường Văn - Cục trưởng Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) - Chủ tịch Hội đồng, chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có lãnh đạo Sở Xây dựng

An Giang, lãnh đạo UBND huyện Tịnh Biên, đại diện các Bộ, ngành, Văn phòng Quốc hội, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành là thành viên Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng.

Trình bày Báo cáo tóm tắt Đề án, đại diện UBND huyện Tịnh Biên cho biết, đô thị Tịnh Biên mở rộng nằm sát biên giới Việt Nam -

Campuchia, gồm toàn bộ huyện Tịnh Biên có diện tích 354,7km², với 3 thị trấn: Tịnh Biên, Chi Lăng, Nhà Bàng và 11 xã. Dân số toàn đô thị là 126 nghìn người, mật độ dân số bình quân đạt 355 người/km². Đô thị Tịnh Biên mở rộng có đường biên giới chung với Vương quốc Campuchia, dài gần 20km, nên có lợi thế và tiềm năng rất lớn để phát triển kinh tế cửa khẩu, du lịch thông qua cửa khẩu Quốc tế Tịnh Biên.

So với các địa phương khác trong tỉnh, đô thị Tịnh Biên mở rộng có nguồn tài nguyên khoáng sản khá phong phú với các loại đá xây dựng, đá ốp lát, đá áplit, cát núi, than bùn, sét gạch ngói. Trong thời gian qua, hoạt động khoáng sản ở Tịnh Biên đã có những đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như đóng góp cho ngân sách, tạo việc làm cho lao động tại chỗ, cung cấp nguồn nguyên liệu xây dựng cho các công trình xây dựng trong tỉnh. Ngoài ra đá xây dựng của đô thị này còn cung ứng một phần cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Trên địa bàn đô thị Tịnh Biên mở rộng có 01 khu di tích lịch sử cấp quốc gia là chùa Hòa Thạnh và cụm di tích lịch sử cách mạng và danh thắng được công nhận cấp tỉnh bao gồm: Căn hầm bí mật Văn phòng Huyện ủy, Chốt thép Nhơn Hưng, chùa Phước Điền, chùa Thới Sơn, đình Thới Sơn, tượng Đài chiến thắng Dốc Bà Đắc và Miếu Bà Chúa Xứ Bàu Mướp. Ngoài ra, chùa Vạn Linh, chùa Phật Lớn, tượng phật Di Lặc là những công trình kiến trúc độc đáo của đô thị. Hiện tại các công trình này đã được UBND huyện Tịnh Biên đầu tư cải tạo, nâng cấp phục vụ nhu cầu du lịch của địa phương.

Về giao thông, đô thị Tịnh Biên mở rộng có 316,5km đường giao thông, trong đó có 2 tuyến quốc lộ và nhiều tỉnh lộ làm nhiệm vụ kết nối Tịnh Biên với các trung tâm lớn trong vùng, như thành phố Cần Thơ - Long Xuyên - Châu Đốc - Hà Tiên (tỉnh Kiên Giang) - Phnom Pênh, đưa đô thị này trở thành địa bàn trung chuyển hàng hóa thuận lợi trong vận chuyển hàng hóa, giao thương và tham quan các danh lam thắng cảnh trong vùng,



Ông Nguyễn Tường Văn kết luận Hội nghị

kể cả tuyến đường lên núi Cấm. Ngoài ra, đô thị Tịnh Biên mở rộng còn có vị trí chiến lược trong công tác bảo vệ an ninh quốc phòng.

Theo Đề án, những năm qua, UBND huyện Tịnh Biên, UBND tỉnh An Giang đã chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm xây dựng và nâng cấp đô thị Tịnh Biên mở rộng đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, tiến tới thành lập thị xã Tịnh Biên, đồng thời đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ theo chủ trương phát triển kinh tế xã hội tỉnh An Giang.

Đề án trích dẫn số liệu thống kê của UBND huyện Tịnh Biên cho biết: Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất của đô thị Tịnh Biên mở rộng đạt 10,98%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 55,1%; tỷ lệ hộ nghèo là 12,8%; tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 71,8%; tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch hợp vệ sinh đạt 95%; tỷ lệ chất thải rắn được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải đạt tỷ lệ 20%.

Tại Hội nghị, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng đã đưa ra những nhận xét, đánh giá và góp ý giúp UBND huyện Tịnh Biên hoàn chỉnh Báo cáo. Ông Nguyễn Văn Đức - đại diện Bộ Nội Vụ, chuyên gia phản biện đánh giá cao vai trò, vị trí và chức năng của đô thị Tịnh Biên mở rộng đối với phát triển kinh tế xã hội tỉnh An Giang đồng thời cho biết, Đề án đã cập nhật đầy đủ những

thông tin quan trọng và toàn diện về các lĩnh vực kinh tế xã hội của đô thị Tịnh Biên mở rộng,

Đồng ý với đề nghị công nhận đô thị Tịnh Biên mở rộng, tỉnh An Giang đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, ông Nguyễn Văn Đức góp ý UBND tỉnh An Giang cần tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho đô thị Tịnh Biên mở rộng, chú trọng phát triển khu vực ngoại thị, đồng thời thực hiện các giải pháp khắc phục những chỉ tiêu chưa đạt hoặc đã đạt nhưng ở mức thấp.

Cũng đánh giá cao Đề án và đồng ý với đề nghị công nhận đô thị Tịnh Biên mở rộng đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng) Trần Anh Tuấn - chuyên gia phản biện góp ý, UBND huyện Tịnh Biên và tỉnh An Giang cần nhanh chóng thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ xử lý chất thải rắn hợp vệ sinh, triển khai xây dựng nhà tang lễ vì các tiêu chí này vẫn chưa đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV.

Phát biểu kết luận Hội nghị, ông Nguyễn Tường Văn - Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhấn mạnh vai trò và tầm quan trọng của đô thị Tịnh Biên mở rộng đối với sự phát triển kinh tế xã hội tỉnh An Giang và khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, đồng thời cho biết, đô thị Tịnh Biên mở rộng đã đạt chuẩn ở hầu hết các chỉ tiêu quan trọng của đô thị loại IV theo quy định, tuy nhiên vẫn còn một số chỉ tiêu chưa đạt như: Chỉ tiêu về mật độ dân số, tỷ lệ hộ nghèo, xử lý rác thải. Do đó, UBND tỉnh An Giang và huyện Tịnh



Toàn cảnh Hội nghị

Biên cần sớm triển khai các giải pháp khắc phục những chỉ tiêu này. Bên cạnh đó, UBND huyện Tịnh Biên cần có giải pháp đầu tư phát triển khu vực ngoại thị, giảm dần sự chênh lệch trong phát triển giữa khu vực nội thị và ngoại thị, khẩn trương xây dựng quy chế quản lý đô thị.

Ông Nguyễn Tường Văn đề nghị UBND huyện Tịnh Biên tiếp thu đầy đủ những ý kiến đóng góp của các chuyên gia phản biện, các thành viên Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng, đồng thời rà soát lại nội dung Đề án, đảm bảo chính xác và thống nhất các số liệu, hoàn chỉnh Báo cáo.

Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng nhất trí thông qua Đề án đề nghị công nhận đô thị Tịnh Biên mở rộng, tỉnh An Giang đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, với số điểm là 83,5 điểm.

Trần Đình Hà

Phân tích nguyên nhân và phương pháp giảm biến dạng của bê tông chất lượng cao

Trong lĩnh vực xây dựng hiện nay, bê tông biến tính (bê tông chất lượng cao) như bê tông cường độ cao, bê tông tự lèn, bê tông bền ăn mòn... có vai trò quan trọng. Các loại bê tông này sử dụng các phụ gia hóa học khác nhau và (hoặc) cốt liệu khoáng phân tán mỏng nhằm đảm bảo các tính chất cơ lý - cường độ, tính

thuận tiện xây xếp, chất lượng bề mặt... Tuổi thọ của kết cấu xây dựng sử dụng các loại bê tông này vẫn là một vấn đề mở. Một trong những yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến tuổi thọ của các kết cấu lắp ghép và toàn khối chính là sự xuất hiện các vết nứt do các nguyên nhân dưới đây:

Biến dạng của bê tông mới tháo khuôn	Sự hình thành các vết nứt trong bê tông mới tháo khuôn do sự chuyển dịch của ván khuôn hoặc nền móng hoặc do các lý do công nghệ khác
Co ngót dẻo	Co ngót hỗn hợp bê tông tươi do bay hơi nước từ bề mặt của kết cấu
Co ngót hóa học	Giảm thể tích do quá trình thủy hóa
Co ngót tự sinh	Biến dạng của mẫu cách nhiệt, không sấy (còn gọi là tự sấy bê tông ở tỷ lệ nước /xi măng thấp
Co ngót do độ ẩm	Do bê tông bị mất nước khi đông kết trong môi trường không đủ độ ẩm
Biến dạng do nhiệt độ của các kết cấu lớn	Xuất hiện ứng suất trong bê tông của các kết cấu lớn do vượt ngưỡng nhiệt độ cho phép
Tác động lực	Lỗi trong việc tính toán kết cấu, chế tạo, khai thác...
Ăn mòn cốt thép	Do các tác nhân ăn mòn
Phản ứng kiềm - silic trong xi măng	Trên bề mặt cốt liệu hình thành gel và trương nở khi tiếp xúc với nước
Carbonat hóa	$CO_2 + Ca(OH)_2 = CaCO_3 + H_2O$ (được phát triển trong nhiều năm, dẫn tới sự ăn mòn cốt thép)

Các biến dạng kết cấu và hình thành vết nứt của bê tông xuất do tác động ngoại lực, vi phạm công nghệ sản xuất, lỗi thiết kế hoặc các yêu cầu thiết kế để ra không đúng và thường không được dự báo - vấn đề này cần được nghiên cứu bổ sung một cách toàn diện, vì sự an toàn và tuổi thọ của các công trình xây dựng.

Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về biến dạng của bê tông do co ngót, trong đó các nhà nghiên cứu xem xét ảnh hưởng của các yếu tố khác nhau đến tỷ lệ co ngót của bê tông và bê tông cốt thép, để xuất các biện pháp để tính toán mức độ co ngót của bê tông ngay từ giai đoạn thiết kế hệ kết cấu của các tòa nhà/công trình.

Trong các kết quả nghiên cứu cho thấy, hiện tượng co ngót dẻo của bê tông có thể dễ dàng kiểm soát, đồng thời co ngót do cacbonat hóa là không đáng kể, do đó có thể không cần tính tới.

Trên thực tế cũng không cần tính tới co ngót hóa học, vì nó không tách rời co ngót tự sinh, tức là co ngót tự sinh của mẫu không sấy riêng biệt luôn luôn bao gồm một tỷ lệ co ngót hóa

học nhất định. Co ngót tự sinh của bê tông truyền thống có phần thấp hơn so với bê tông chất lượng cao. Tuy nhiên, co ngót tự sinh có thể được tối thiểu hóa bằng cách sử dụng các vật liệu các polymer siêu thấm hoặc các cốt liệu nhẹ no nước.

Hiện tượng nứt do biến dạng nhiệt sẽ giảm nếu sử dụng chất kết dính có độ tỏa nhiệt thấp phụ gia chậm đông kết của bê tông.

Từ các kết quả thí nghiệm, có thể thấy những đặc điểm căn bản của hiện tượng co ngót ở bê tông chất lượng cao so với bê tông truyền thống:

- Sự co ngót chung, tức là tổng co ngót tự sinh và co ngót do độ ẩm thấp hơn đối với bê tông chất lượng cao;
- Phần co ngót do độ ẩm thấp hơn đáng kể đối với bê tông chất lượng cao, trong khi thành phần co ngót tự sinh tăng lên rõ rệt;
- Sự phát triển trong khoảng thời gian co ngót tổng cộng đối với bê tông chất lượng cao tương đương bê tông truyền thống;
- Có sự khác biệt về ảnh hưởng tới sự phát

triển co ngót từ các thông số như: Tuổi bê tông tính tới thời điểm kết thúc lưu giữ độ ẩm và loại xi măng giữa bê tông truyền thống và bê tông chất lượng cao.

Phương pháp hoàn thiện nhất để xác định biến dạng co ngót của bê tông và các kết cấu bê tông cốt thép đã được nghiên cứu trong các công trình nghiên cứu của N.Bleshik (“Xây dựng mô hình tính toán độ co ngót của đá xi măng” và “Các mô hình tính toán co ngót của các kết cấu bê tông & bê tông cốt thép”). Các tài liệu đó chỉ rõ sự biến dạng do co ngót của bê tông được thúc đẩy hơn bởi nhiều yếu tố công nghệ và thiết kế. Song để tính toán kỹ thuật, có thể làm rõ những yếu tố tổng hợp cho phép tính toán co ngót của các kết cấu bê tông và bê tông cốt thép tương đối đáng tin cậy. Phương pháp tính toán đòi hỏi sự chuẩn xác trong việc ứng dụng các phụ gia biến tính hóa học và/hoặc các cốt liệu khoáng phân tán mỏng trong vữa bê tông, bởi điều này có thể làm thay đổi đáng kể tính chất cơ lý của bê tông, chẳng hạn như mức độ thủy hóa của xi măng, thời gian đông kết, cường độ ở độ tuổi sớm..., và tương ứng là sự biến dạng do co ngót.

Trong tiêu chuẩn châu Âu EN 1992-2-1, tiêu chuẩn Belarus SNB 5.03.01-02 và tiêu chuẩn Đức DIN EN 1992-1-1, phương pháp tính toán độ co ngót của bê tông, trong đó giá trị được tính theo công thức:

$$\varepsilon_{cs} = \varepsilon_{cs, d} + \varepsilon_{cs, a}$$

(Trong đó $\varepsilon_{cs, d}$ là phần co ngót của bê tông do bay hơi ẩm; $\varepsilon_{cs, a}$ là phần co ngót bê tông do quy trình bê tông đóng rắn).

Từ tất cả các tiền đề vừa nêu, có thể kết luận rằng co ngót do độ ẩm ảnh hưởng nhiều nhất tới biến dạng của kết cấu. Liên quan tới vấn đề này, các nghiên cứu về những phương pháp và vật liệu khác nhau cho phép giảm giá

trị co ngót độ ẩm là vô cùng cấp thiết.

Co ngót độ ẩm, nguyên nhân và phương pháp giảm giá trị co ngót

Hiện nay, có ba phương pháp hiệu quả nhất để chống co ngót độ ẩm: Thực hiện dưỡng độ ẩm kịp thời và chất lượng; bù co ngót với các phụ gia khoáng; giảm co ngót thông qua giảm sức căng bề mặt của bê tông bằng cách sử dụng các phụ gia giảm co ngót (Shrinkage Reducing Admixture - SRA).

Phương pháp đầu tiên có tính ứng dụng nhiều nhất, tuy nhiên không phải lúc nào cũng khả thi trong điều kiện xây dựng hiện đại. Do vậy, tác giả sẽ đi sâu xem xét đầy đủ hơn hai phương pháp còn lại.

Các phụ gia khoáng hoạt động phổ biến nhờ việc hình thành ettringite (các phụ gia sulphoaluminate) hoặc canxi hydroxit (các phụ gia gốc CaO). Các phụ gia được sử dụng từ những năm 1980. Kinh nghiệm sử dụng nhiều năm các phụ gia khoáng cho phép làm rõ một số nhược điểm của chúng. Sự hình thành ettringite cần khoảng 5-7 ngày, và trong cả giai đoạn này cần thực hiện dưỡng độ ẩm đạt chất lượng cho bê tông. Như đã đề cập trên đây, yêu cầu này không phải lúc nào cũng được thực hiện.

Các phụ gia gốc CaO hoạt động trong vòng 1-2 ngày, do đó rất cần thiết trong giai đoạn tập trung cường độ. Ngoài ra, các phụ gia khoáng không có tính công nghệ - chỉ được cung cấp ở dạng khô và định lượng sử dụng rất cao (thường là 10% khối lượng xi măng).

Các phụ gia SRA là các hóa chất giúp giảm co ngót độ ẩm và co ngót tự sinh của bê tông với định lượng 1-2% khối lượng xi măng. Cho tới gần đây, việc sử dụng các phụ gia này ở Nga và Belarus bị chững lại do giá thành cao (từ 5 - 12 bảng Anh/kg), vì những phụ gia này hoàn toàn nhập khẩu. Năm 2016, công ty cổ phần Polyplast đã nghiên cứu sản xuất phụ gia trong

nước để giảm co ngót bê tông - Polyplast Optima với giá cả cạnh tranh, tính hấp dẫn công nghệ cao, định lượng sử dụng thấp. Tới nay, Polyplast Optima đã vượt qua các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm và thử nghiệm công nghiệp.

Ảnh hưởng của Polyplast Optima tới các đặc tính cơ bản của bê tông

Để nghiên cứu ảnh hưởng của phụ gia này tới biến dạng co ngót của bê tông, một loạt nghiên cứu trong phòng thí nghiệm đã được thực hiện với các mẫu kích cỡ 100 x 100 x 400 mm (trong vòng 56 ngày kết cứng được duy trì ở độ ẩm tương ứng 60 và 80%).

Các thay đổi biến dạng tương ứng của các mẫu từ Polyplast Optima được so sánh với mẫu có phụ gia biến tính sulfoaluminate sản xuất tại Belarus (sau đây gọi là C / A).

Các số liệu thu được chứng minh: Khi được duy trì trong môi trường có độ ẩm 60% (có thể tương ứng với việc không dưỡng hộ bê tông), Polyplast Optima giảm co ngót của bê tông xuống từ 1,3... 2,4 lần tùy theo độ tuổi. Đồng thời, sự biến dạng co ngót của bê tông với phụ gia biến tính sulfoaluminate gần như ngang bằng với bê tông không có phụ gia, do đó nâng cao tầm quan trọng đặc biệt của việc bảo đảm dưỡng hộ độ ẩm cho bê tông có các phụ gia biến tính.

Trường hợp độ ẩm 80%, độ co ngót nhỏ nhất đạt được ở các mẫu C/A; trong khi đó, Polyplast Optima cho kết quả giảm co ngót 1,5-2 lần.

Có các số liệu chứng tỏ các phụ gia SRA có thể ảnh hưởng tiêu cực đến cường độ của bê tông, do đó cần tính toán khi thiết kế cấp phối bê tông.

Để xác định ảnh hưởng của phụ gia Polyplast Optima tới cường độ của bê tông, hai loạt mẫu đã được chuẩn bị với hàm lượng xi

măng khác nhau. Thử nghiệm được thực hiện theo GOST 10180-2012.

Kết quả thử nghiệm cho thấy: Các phụ gia SRA làm chậm tốc độ tập trung cường độ của bê tông. Định lượng cần dùng của Polyplast Optima bằng 1%, có thể làm chậm 7,5% tốc độ tập trung cường độ ở bê tông 28 ngày tuổi; do vậy cần được tính tới khi lựa chọn cấp phối cho bê tông. Hiệu ứng giảm tốc độ có thể được áp dụng để bê tông hóa các công trình lớn nhằm giảm biến dạng nhiệt độ do quá trình tự sấy của khối bê tông khi thủy hóa xi măng.

Thử nghiệm công nghiệp chất phụ gia Polyplast Optima cũng đã được tiến hành khi xây lớp bảo vệ trên công trình cầu qua sông Dubrovinka trên Đại lộ Thế Giới, thành phố Mogilev (Belarus). Việc hỗ trợ kỹ thuật và nghiên cứu cấp phối bê tông do Tập đoàn quốc gia BelDor (Belarus) thực hiện.

Các yêu cầu thiết kế (B45, F200, Btb 4.0) đã được thực hiện vượt mức: cường độ nén 63,9 Mpa; cường độ uốn 6,2 MPa.

Kết quả kiểm tra trực quan các kết cấu của lớp phủ được thể hiện trên một sơ đồ lan rộng các vết nứt. Ở phần bê tông có Polyplast Optima, chỉ có một vết nứt lớn tại mối nối của phần bê tông “cũ” và “mới”.

Ở phần bê tông không phụ gia, có khá nhiều vết nứt co ngót dài 10 - 20cm theo hướng chéo.

Kết luận:

- Kết quả kiểm tra cho thấy phụ gia Polyplast Optima làm giảm biến dạng co ngót bê tông từ 1,5 - 2,4 lần khi độ ẩm môi trường là 60 và 80%. Hiệu quả lớn hơn được thể hiện trong trường hợp độ ẩm 60%, tương ứng với việc không dưỡng hộ độ ẩm cho kết cấu bê tông.

- Giảm co ngót khi ứng dụng C/A ở độ ẩm 80%, tức là trường hợp có dưỡng hộ độ ẩm. Ở độ ẩm 60%, độ co ngót của bê tông C/A không thay đổi.

- Phụ gia Polyplast Optima làm chậm tốc độ tập trung cường độ của bê tông, cụ thể là 7,5% ở bê tông 28 ngày tuổi, do đó cần được tính đến khi lựa chọn thành phần bê tông.

- Phụ gia Polyplast Optima có thể áp dụng thành công để đổ bê tông tại các công trình nhất là công trình lớn - những công trình có yêu cầu nâng cao về tính kháng nứt.

- Việc sử dụng phụ gia Polyplast Optima

trong các điều kiện công nghiệp cho phép loại trừ sự hình thành các khe nứt trong lớp bảo vệ tại công trình cầu qua sông Dubrovinka trên Đại lộ Thế giới, thành phố Mogilev.

N. Kalinovskaya và các cộng sự

Nguồn: Tạp chí Công nghệ bê tông (Nga)

số 12/2017

ND: Lê Minh

Thời kỳ mới - công nghệ mới

Đường phố trơn trượt và đầy băng tuyết sẽ sớm lui vào quá khứ với việc các nhà khoa học Mỹ đã nghiên cứu thành công một loại bê tông mới có lớp phủ thông minh để làm tan băng hoặc tuyết. Trong khi đó, các chuyên gia Hàn Quốc đã sáng chế ra công nghệ giúp bê tông tự hàn kín các vết nứt dưới tác động của ánh nắng mặt trời.

Bê tông dẫn điện có thể làm tan băng tuyết

Giáo sư Chris Tuan thuộc Đại học Nebraska-Lincoln (Mỹ) đã phát minh ra một loại bê tông mới khi thay thế 25% cấp phối truyền thống bằng một lượng phối thép và các hạt cacbon. Mặc dù trên thực tế, các thành phần mới trong công thức bê tông chỉ chiếm một phần tư, song đó chính là các chất dẫn điện mà không làm mất đi tính an toàn cho mặt đường.

Phiên bản đặc biệt của bê tông nhựa asphan làm tan chảy băng và tuyết, dọn sạch đường ngay cả trong điều kiện thời tiết xấu nhất. Tuyết đọng trên lớp phủ chỉ vài phút đồng hồ, sau đó bắt đầu tan ra dưới tác động của nhiệt asphan.

Nhóm nghiên cứu dưới sự chỉ đạo của GS. Chris Tuan đang dự kiến trình diễn các khả năng của bê tông dẫn điện, trước hết với tất cả các đại diện Cục Hàng không dân dụng Liên bang. Hiện tượng đóng băng trên các đường băng và những con đường khác tại các sân bay luôn là nguyên nhân gây ra một loạt vấn đề

ngghiêm trọng. Nhóm nghiên cứu đang tiệm cận rất gần giải pháp cho các vấn đề đó.

Nếu các thử nghiệm thành công, lớp phủ mới chứng minh được hiệu quả của mình thì phát minh này sau đây sẽ được áp dụng tại các sân bay của Mỹ.

Năm 2002, một nghiên cứu tương tự đã được áp dụng cho một cầu đường bộ ở thành phố Lincoln. Đây là dự án hợp tác giữa nhóm nghiên cứu của GS. Tuan và Cục Đường bộ bang Nebraska. Các kỹ sư khi đó đã xây cây cầu đầu tiên trên thế giới có ứng dụng bê tông dẫn điện; trong kết cấu có 52 tấm dẫn điện trong suốt 15 năm qua đã chống chịu thành công với hiện tượng đóng băng trên mặt cầu.

Theo GS. Tuan, các cây cầu đường bộ thường đóng băng bởi phải chịu tác động của môi trường xung quanh cả từ bên dưới và từ trên cao, do đó, không nhất thiết phải xây toàn bộ phần lòng đường bằng bê tông dẫn điện, chỉ cần áp dụng tại một số nơi nhất định, nhất là nơi dễ xuất hiện ổ gà.

Ổ gà thường xuất hiện do hiện tượng đóng băng trên mặt đường. Nước thấm vào bên trong, đóng băng, và băng khiến các vết nứt, thậm chí những vết nứt nhỏ mở rộng thêm (vì muối và các hóa chất khác khiến bê tông chóng lão hóa). Bê tông dẫn điện có thể là một sự thay thế tuyệt vời cho việc bảo dưỡng kỹ thuật các con đường.

Loại bê tông mới có thể có hiệu quả khi áp

dụng tại các giao lộ đông đúc, lối đi, vỉa hè. GS. Tuan tin tưởng vật liệu độc đáo này còn có thể hỗ trợ chống lại cả các hoạt động gián điệp công nghiệp. Bê tông do được bổ sung khoáng chất magnetite có thể chặn sóng vô tuyến, điện thoại di động. Bằng cách này, vật liệu có thể được sử dụng để bảo vệ các công trình khỏi sóng điện từ. GS. Tuan và các cộng sự đã xây dựng trong phòng thí nghiệm một căn nhà nhỏ bằng loại bê tông mới để chứng minh tính năng bảo vệ chống lại sóng điện từ. Nhiều buổi thử nghiệm đã được tổ chức, với sự tham gia của các chuyên gia, các nhà khoa học từ các Viện nghiên cứu khác nhau. Họ được đề nghị sử dụng điện thoại di động, và kết quả rất khả quan.

“Hàn” các vết nứt trong bê tông nhờ ánh nắng mặt trời

Các cầu bê tông và cầu vượt cần được sửa chữa thường xuyên. Những vết nứt dù là nhỏ nhất trên bề mặt cũng có thể là nguyên nhân khiến nhiều công trình bị hư hỏng đáng kể về sau. Các vết nứt chứa nước, muối, clo, carbon dioxide lọt vào, khiến cấu trúc sẽ bị phá hủy.

Để khắc phục các hư hỏng như vậy, cần rất nhiều thời gian và tiền bạc. Mới đây, các nhà nghiên cứu thuộc Đại học quốc gia Yonsei (Hàn Quốc) đã tìm ra biện pháp tối ưu hóa quy trình bảo dưỡng các công trình, nhờ một lớp phủ đặc biệt có thể phục hồi bề mặt của bê tông mà không cần thêm sự can thiệp nào từ bên ngoài.

Lớp phủ từ các vi nang polymer hoạt động như sau: ngay khi trên bề mặt bê tông xuất hiện vết nứt, các vi nang nở ra và tiết ra một chất lỏng đặc biệt lấp đầy khe nứt, khi tiếp xúc với ánh sáng mặt trời chất lỏng này sẽ đông cứng.

Theo tác giả của nghiên cứu - GS. Chan-Moon Chung, công nghệ này có thể tiết kiệm

hàng triệu USD cho các công ty xây dựng trên toàn thế giới.

Để chứng minh hiệu quả của phát minh, các nhà nghiên cứu đã phun một lớp phủ lên các mẫu bê tông, và sau đó lấy dao cạo làm trầy xước bề mặt bê tông.

Quét bằng kính hiển vi điện tử cho thấy: các vết cắt đã được các vi nang tìm ra; chất lỏng bên trong vi nang tràn ra lấp đầy các khe nứt. Các mẫu được xếp dưới ánh nắng mặt trời, và sau một vài giờ, bề mặt trở nên chắc cứng và mịn nhẵn. Các nhà nghiên cứu xác nhận rằng bê tông được xử lý bằng lớp phủ mới sẽ ít nhạy cảm hơn đối với các hư hại do nước, muối hay clo gây ra.

Theo GS. Chan-Moon Chung, cho đến nay phát minh của nhóm nghiên cứu của ông có thể bảo quản các công trình bê tông trong vòng một năm. Ông và các đồng sự vẫn đang tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các công thức cho lớp phủ, để lớp phủ phát huy tác dụng, có thể bảo vệ bê tông lâu bền và đáng tin cậy.

Lưu ý đây không phải là nỗ lực chế tạo bê tông tự hàn vết nứt đầu tiên. Việc kéo dài tuổi thọ cho các công trình bê tông đã được các chuyên gia Hà Lan thử nghiệm trước đây - họ thiết kế bê tông vi sinh - loại bê tông có chứa vi khuẩn có thể “chữa lành” các vết nứt.

Các kết quả của nghiên cứu trên đã được công bố trên ấn phẩm ACS Applied Materials & Interfaces.

I. Kovchak

Nguồn: Tạp chí Công nghệ bê tông (Nga)

số 2/2018

ND: Lê Minh

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tiếp Phó Chủ tịch Quốc hội Lào

Ngày 17/5/2018, Đoàn công tác của Quốc hội Lào do Phó Chủ tịch Quốc hội Somphan PHENGKHAMMY dẫn đầu đã đến thăm và làm việc với Bộ Xây dựng. Đón tiếp và làm việc với đoàn có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà, Thứ trưởng Lê Quang Hùng cùng đại diện lãnh đạo các cơ quan chức năng của Bộ Xây dựng.

Bày tỏ vui mừng đến thăm và làm việc với Bộ Xây dựng Việt Nam, thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Quốc hội Lào, Phó Chủ tịch Quốc hội Lào Somphan PHENGKHAMMY cảm ơn Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã tặng Lào 100 triệu USD để xây dựng Nhà Quốc hội mới, đồng thời quan tâm đến tiến độ, cơ chế phối hợp giữa 2 bên trong việc triển khai dự án này.

Phó Chủ tịch Quốc hội Lào Somphan PHENGKHAMMY cho biết, Đảng Cách mạng nhân dân Lào, Bộ Chính trị, Quốc hội và Chính phủ Lào rất quan tâm đến tiến độ Dự án xây dựng Nhà Quốc hội Lào, với mong muốn Dự án sẽ hoàn thành và kịp đưa vào sử dụng trong năm 2021, phục vụ hiệu quả hoạt động của Quốc hội Lào.

Tại buổi làm việc, hai bên đã trao đổi và đánh giá các vấn đề liên quan đến cơ chế phối hợp giữa 2 bên trong việc thực hiện dự án xây dựng Nhà Quốc hội Lào. Hai bên cam kết, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm được giao theo cam kết giữa Chính phủ Việt Nam và Lào về “Dự án xây dựng Nhà Quốc hội Lào”, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo xây dựng Nhà Quốc hội mới của Lào của hai nước.

Phát biểu tại buổi làm việc, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết, trong thời gian qua, với vai trò là chủ đầu tư của dự án, Bộ Xây dựng đã tích cực chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung mà Trưởng Ban chỉ đạo dự án 2 bên đã thống nhất, đồng thời cũng đóng góp các ý kiến cần thiết trước khi triển khai từng hạng mục cụ thể.



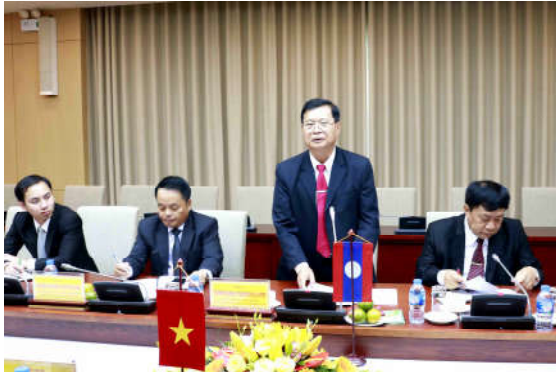
Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tiếp Phó Chủ tịch Quốc hội Lào Somphan PHENGKHAMMY



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà phát biểu tại buổi làm việc

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà nhấn mạnh, Dự án xây dựng Nhà Quốc hội Lào là biểu tượng của quan hệ truyền thống, hữu nghị tốt đẹp giữa 2 nước, được lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm. Để đẩy nhanh tiến độ dự án, đảm bảo chất lượng, công năng, thiết kế của công trình theo chỉ đạo của Bộ Chính trị Lào, Bộ Xây dựng đã đề xuất Thủ tướng Chính phủ Việt Nam ban hành cơ chế đặc thù đối với Dự án xây dựng Nhà Quốc hội Lào, phấn đấu đến cuối năm 2020 sẽ cơ bản hoàn thành và đưa công trình vào sử dụng.

Nhằm nâng cao chất lượng của công trình, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà đề nghị Phó Chủ tịch Quốc hội Lào Somphan PHENGKHAMMY chỉ



Phó Chủ tịch Quốc hội Lào Somphan PHENGKHAMMY phát biểu tại buổi làm việc

đạo Ban Quản lý dự án và các đơn vị của Lào phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng Việt Nam trong việc triển khai thực hiện Dự án, đồng thời cho phép triển khai sớm các hạng mục đã hoàn thành thiết kế nhằm đảm bảo tiến độ Dự án.

Bày tỏ tin tưởng chất lượng thiết kế công trình Nhà Quốc hội Lào của các chuyên gia Lào, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết, với kinh nghiệm đã được đúc rút trong quá trình xây dựng Nhà Quốc hội Việt Nam, Bộ Xây dựng sẽ xem xét và đóng góp những ý kiến để công



Thứ trưởng Lê Quang Hùng và Phó Chủ tịch Quốc hội Lào Somphan PHENGKHAMMY thăm quan phòng truyền thống của Bộ Xây dựng

trình Nhà Quốc hội Lào đảm bảo mỹ quan, vận hành tiết kiệm và phát huy công năng sử dụng ở mức tối đa.

Nhân chuyến thăm và làm việc của đoàn đại biểu Quốc hội Lào, Thứ trưởng Lê Quang Hùng đã hướng dẫn Phó Chủ tịch Quốc hội Lào Somphan PHENGKHAMMY và đoàn thăm quan phòng truyền thống của Bộ Xây dựng.

Trần Đình Hà

Hội nghị triển khai phối hợp công tác giữa Ban Thường trực Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Xây dựng

Ngày 18/5/2018 tại Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị triển khai phối hợp công tác giữa Ban thường trực Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Xây dựng. Hội nghị do đồng chí Trần Thanh Mẫn, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà đồng chủ trì.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, đồng chí Trần Thanh Mẫn cho biết, trong thời gian qua, sự phối hợp công tác giữa Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Xây dựng đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong thực hiện Chỉ thị số 10 năm 2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn



Đồng chí Trần Thanh Mẫn, Bí thư TƯ Đảng, Chủ tịch UBTUMTTQVN phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị

mới, đô thị văn minh", Nghị quyết Liên tịch số 88 năm 2016 giữa Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà phát biểu tại Hội nghị

ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về phối hợp thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Hiện nay, ở các địa phương trong cả nước, trên 11.000 xã, phường, thị trấn đã tiến hành thực hiện các cuộc vận động này, mang lại kết quả hết sức thiết thực, góp phần cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương.

Chủ tịch Trần Thanh Mẫn đánh giá cao sự phối hợp của Bộ Xây dựng trong những năm qua đã hưởng ứng tích cực các cuộc vận động của Mặt trận Tổ quốc: Ủng hộ đồng bào bảo lụt, đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà ở cho người nghèo ở nông thôn, nhà ở cho đồng bào vùng lũ lụt đồng bằng sông Cửu Long và miền Trung..., góp phần quan trọng trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội của Đảng, Nhà nước.

Đồng chí Trần Thanh Mẫn cũng cho biết, tại Hội nghị này, hai bên sẽ trao đổi các nội dung phối hợp, trọng tâm là phối hợp xây dựng bộ tiêu chí về đô thị văn minh đối với phường, thị trấn, làm cơ sở để đánh giá, công nhận phường, thị trấn đô thị văn minh.

Phát biểu tại Hội nghị, thay mặt Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà chúc mừng đồng chí Trần Thanh Mẫn được bầu vào Ban Bí thư Trung ương Đảng tại Hội nghị Trung ương 7 vừa qua, đồng thời cảm ơn sự biểu dương của đồng chí Trần Thanh Mẫn đối với Bộ Xây dựng trong quá trình thực hiện



Lễ ký kết phối hợp giữa Đoàn Thanh niên hai cơ quan

nhiệm vụ của mình và phối hợp thực hiện Nghị quyết Liên tịch số 88 năm 2016.

Theo Bộ trưởng Phạm Hồng Hà, Bộ Xây dựng sẽ phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc và các ngành để nghiên cứu, soạn thảo, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tiêu chí phường, thị trấn đô thị văn minh. Bên cạnh đó, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cũng mong muốn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo công tác phản biện xã hội đối với chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Xây dựng, phối hợp giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực xây dựng ở các địa phương, phối hợp với Bộ Xây dựng trong việc lồng ghép các chương trình phát triển nhà ở, cải thiện nhà ở cho đồng bào nghèo vùng bão lũ miền Trung.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cũng giao các đơn vị chuyên môn của Bộ Xây dựng là Cục Phát triển đô thị, Cục Nhà ở và Thị trường bất động sản làm đầu mối phối hợp với các cơ quan của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xây dựng chương trình phối hợp cụ thể giữa hai bên.

Tại Hội nghị, các đại biểu tham dự đã chứng kiến việc ký kết phối hợp giữa Đoàn Thanh niên của hai cơ quan về thí điểm xây dựng nhà ở, công trình dân sinh cho đồng bào vùng bị thiên tai.

Minh Tuấn

Ngành Xây dựng hưởng ứng Tháng hành động về ATVSLĐ năm 2018

Ngày 18/5/2018, tại Khu đô thị Gamuda Garden, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội, Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Công đoàn Xây dựng Việt Nam và Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings tổ chức lễ phát động Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) ngành Xây dựng năm 2018.

Tham dự buổi lễ có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội Bùi Sỹ Lợi; Phó# Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Nguyễn Thị Thu Hồng, Chủ tịch CĐXD Việt Nam Nguyễn Thị Thủy Lệ và đông đảo lãnh đạo, công nhân viên, người lao động trong các doanh nghiệp thuộc ngành Xây dựng.

Theo Báo cáo của Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, năm 2017 Bộ Xây dựng đã chủ trì, phối hợp với CĐXD Việt Nam và một số Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tổ chức kiểm tra ATVSLĐ trong thi công xây dựng trên 50 công trình, đồng thời phối hợp cùng Hội đồng nghiệm thu nhà nước kết hợp kiểm tra ATVSLĐ với kiểm tra công tác nghiệm thu đối với 20 công trình.

Kết thúc quá trình kiểm tra, Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đã chỉ ra nhiều tồn tại, bất cập về công tác quản lý và tổ chức thực hiện công tác ATVSLĐ trong thi công xây dựng, đồng thời tuyên truyền, phổ biến pháp luật về ATVSLĐ hiện hành và hướng dẫn các giải pháp về quản lý, kỹ thuật về ATVSLĐ. Nhờ đó, đã góp phần nâng cao nhận thức về quản lý ATVSLĐ cho các chủ thể, giúp họ chủ động tăng cường các biện pháp về quản lý, kỹ thuật về ATVSLĐ trong thi công xây dựng.

Phát biểu tại buổi lễ, Thứ trưởng Lê Quang Hùng cho biết, lễ phát động là một trong những hoạt động của ngành Xây dựng hưởng ứng Tháng hành động về ATVSLĐ năm 2018, nhằm nâng cao nhận thức, ý thức và trách



Thứ trưởng Lê Quang Hùng phát biểu tại buổi lễ nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người sử dụng lao động ngành Xây dựng về công tác ATVSLĐ.

Thứ trưởng Lê Quang Hùng đánh giá, thời gian qua, công tác đảm bảo ATVSLĐ đã và đang nhận được sự quan tâm của các cơ quan, đơn vị liên quan. Tuy nhiên, do lĩnh vực xây dựng có những đặc thù riêng nên luôn tiềm ẩn những nguy cơ gây tai nạn lao động. Vì thế, mỗi người lao động, mỗi doanh nghiệp ngành Xây dựng cần chủ động, tích cực hơn nữa trong việc thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật An toàn vệ sinh lao động.

Nhằm tăng cường công tác đảm bảo ATVSLĐ trong ngành Xây dựng, Bộ Xây dựng đã tăng cường hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật hướng dẫn về công tác quản lý an toàn lao động. Cùng với đó, các doanh nghiệp, đơn vị trong Ngành đã có nhiều cố gắng cập nhật và tuyên truyền, phổ biến hệ thống văn bản pháp luật về ATVSLĐ nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành các quy định về an toàn lao động của người lao động cũng như người sử dụng lao động.

Năm 2018, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục xây dựng, hoàn thiện, phổ biến, tuyên truyền pháp luật về an toàn trong thi công xây dựng phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo đầy đủ các công



Chủ tịch CĐXDVN Nguyễn Thị Thủy Lệ phát biểu tại buổi lễ

cụ quản lý an toàn trong thi công xây dựng, đề xuất bổ sung, sửa đổi các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng; siết chặt công tác kiểm định kỹ thuật ATLĐ đối với máy, thiết bị, vật tư sử dụng trong thi công xây dựng.

Tại buổi lễ, Chủ tịch CĐXD Việt Nam Nguyễn Thị Thủy Lệ cho biết, thực hiện chỉ đạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, của Bộ Xây dựng, những năm qua CĐXD Việt Nam luôn tích cực chỉ đạo các công đoàn trực thuộc phối hợp với bộ phận chuyên môn của đơn vị xây dựng kế hoạch, chương trình hành động và tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến ATVSLĐ, nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của người lao động và người sử dụng lao động về an toàn lao động, như: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về ATVSLĐ; tổ chức phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, bảo đảm ATVSLĐ”; hưởng ứng cuộc vận động “Tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc của công nhân, viên chức ngành Xây dựng”; tổ chức các lớp tập huấn về ATVSLĐ cho cán bộ công đoàn các cấp; tổ chức hội thi an toàn vệ sinh viên giỏi toàn quốc ngành Xây dựng.

Là một trong những doanh nghiệp tiêu biểu của ngành Xây dựng trong công tác đảm bảo ATVSLĐ, những năm qua, Công ty Phục Hưng Holdings luôn quán triệt mục tiêu: “Công tác an toàn độc lập với công tác sản xuất”; “Không để xảy ra tai nạn lao động và rủi ro trong thi công”



Thứ trưởng Lê Quang Hùng trao Bằng khen của CĐXD Việt Nam cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác an toàn, vệ sinh lao động năm 2017

và “Lấy rác thải, phế thải là thước đo năng lực quản lý sản xuất của cán bộ”.

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo và Ban chấp hành công đoàn Công ty thường xuyên phối hợp tổ chức các hoạt động cụ thể, thiết thực hưởng ứng Tháng hành động an toàn, vệ sinh lao động, gắn với các hoạt động của Tháng công nhân và hướng về công trường. Tại tất cả các công trường của Công ty, 100% nhân sự của các đơn vị thi công đều được hướng dẫn công tác an toàn vệ sinh lao động trước khi bắt đầu làm việc.

Thay mặt lãnh đạo Công ty Phục Hưng Holdings, Chủ tịch HĐQT Cao Tùng Lâm cho biết, là một nhà thầu trong thiết kế và thi công các công trình xây dựng trên toàn quốc, Phục Hưng Holdings luôn ưu tiên hàng đầu đối với công tác đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động trong mọi quá trình đầu tư và sản xuất thông qua những hành động, giải pháp cụ thể mỗi người lao động, người quản lý sản xuất và người sử dụng lao động, không vì mục tiêu kinh tế mà đánh đổi sức khỏe, tính mạng và sự an toàn của người lao động.

Tại lễ phát động, CĐXD Việt Nam đã tặng Bằng khen cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác an toàn, vệ sinh lao động năm 2017.

Trần Đình Hà

Viện Kiến trúc quốc gia trao giải cho các sản phẩm tiêu biểu giai đoạn 2014 - 2018

Ngày 18/5/2018, tại Hà Nội, Viện Kiến trúc quốc gia tổ chức triển lãm và trao giải thưởng Đồ án quy hoạch, thiết kế công trình, sản phẩm nghiên cứu khoa học tiêu biểu giai đoạn 2014 - 2018, với sự tham dự của Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng, lãnh đạo Hội Kiến trúc sư Việt Nam, đồng đảo chuyên gia hoạt động trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc cả nước.

Phát biểu khai mạc triển lãm, Viện trưởng Viện Kiến trúc quốc gia Đỗ Thanh Tùng cho biết, sự kiện triển lãm và trao giải thưởng Đồ án quy hoạch, thiết kế công trình, sản phẩm nghiên cứu khoa học tiêu biểu giai đoạn 2014 - 2018 là một trong những sự kiện kỷ niệm 60 năm Ngày Truyền thống ngành Xây dựng (1958 - 2018) và 40 năm Ngày Thành lập Viện Kiến trúc quốc gia (1979 - 2019).

Giải thưởng Đồ án quy hoạch, thiết kế công trình, sản phẩm nghiên cứu khoa học tiêu biểu giai đoạn 2014 - 2018 có 16 đơn vị đăng ký tham gia, với 69 tác phẩm, gồm: 28 đồ án kiến trúc công trình, 15 đồ án quy hoạch xây dựng; 26 sản phẩm nghiên cứu khoa học, đề án phát triển đô thị. Các sản phẩm dự giải đa dạng về quy mô, thể loại, từ quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đến quy hoạch chi tiết, từ công trình nhỏ, tác phẩm điêu khắc đến công trình cấp I.

Để đánh giá chính xác, khách quan chất lượng các sản phẩm, Ban tổ chức đã mời Hội đồng Giám khảo gồm 7 thành viên là những chuyên gia có uy tín, giàu kinh nghiệm. Sau nhiều vòng xét duyệt, Hội đồng Giám khảo đã lựa chọn được 12 sản phẩm xuất sắc nhất để trao các giải: Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích, theo 3 lĩnh vực: Quy hoạch, kiến trúc công trình, nghiên cứu khoa học.

Kết quả, giải Nhất lĩnh vực Đồ án Quy hoạch thuộc về Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn phát biểu tại lễ trao giải

Khu Du lịch ven biển Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh, tỷ lệ 1/2000. Giải nhất lĩnh vực Công trình Kiến trúc là tác phẩm Trụ sở làm việc Viện Kiến trúc Quốc gia. Giải Nhất lĩnh vực Sản phẩm nghiên cứu khoa học thuộc về Đề tài “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản các làng nghề truyền thống 2 bên bờ sông Hồng thuộc phạm vi thành phố Hà Nội”.

Giải Nhì: Đồ án Quy hoạch: Quy hoạch Khu đô thị du lịch Đại Phước - Tín Nghĩa huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai; Công trình kiến trúc: Điều khắc - Đài tưởng niệm Nghĩa trang liệt sĩ Quốc gia đường 9; Sản phẩm nghiên cứu khoa học: Mẫu nhà ở khu vực thiên tai - Tây Nam Bộ;

Giải Ba: Đồ án Quy hoạch: Quy hoạch chi tiết bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích trung tâm “Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội”; Công trình Kiến trúc: Trung tâm Hội nghị tỉnh Hậu Giang; Sản phẩm nghiên cứu khoa học: Dự án “Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng xây dựng mới các công trình tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam”.

Phát biểu tại buổi lễ, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đánh giá cao nỗ lực của Viện Kiến trúc quốc gia trong việc tổ chức triển lãm và trao giải thưởng Đồ án quy hoạch, thiết kế công trình, sản phẩm nghiên cứu khoa học tiêu biểu năm 2014 - 2018, đồng thời chúc mừng sự trưởng thành nhanh chóng của tập thể cán bộ,



Thủ tướng Nguyễn Đình Toàn chụp ảnh kỷ niệm cùng lãnh đạo, cán bộ Viện Kiến trúc quốc gia và các thí sinh đạt giải

kiến trúc sư trẻ của Viện Kiến trúc quốc gia, nguồn lực quan trọng nhất để xây dựng và phát triển Viện Kiến trúc quốc gia trong tương lai.

Thủ tướng Nguyễn Đình Toàn bày tỏ hi vọng, trong những năm tới, Viện Kiến trúc quốc gia sẽ tiếp tục tổ chức và mở rộng quy mô, đối tượng dự thi nhằm thu hút đông đảo các kiến



Thủ tướng Nguyễn Đình Toàn thăm quan phòng trưng bày Viện Kiến trúc Quốc gia

trúc sư trẻ cũng như sinh viên các trường đại học có đào tạo ngành kiến trúc tham dự, nhằm nâng tầm quy mô giải thưởng cũng như khơi dậy tinh thần sáng tạo, học hỏi của sinh viên, kiến trúc sư toàn quốc.

Trần Đình Hà

Hội nghị triển khai thực hiện Đề án “Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng”

Ngày 18/5 tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị triển khai thực hiện Đề án “Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng” với sự tham dự của đại diện các Bộ, ngành Trung ương; UBND các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương; các viện nghiên cứu; hiệp hội nghề nghiệp; các trường đại học; doanh nghiệp xây lắp, tư vấn; đại diện các tổ chức quốc tế: WB, JICA và Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam. Thủ tướng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh dự và chủ trì Hội nghị.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Thủ tướng Bùi Phạm Khánh cho biết, triển khai Nghị quyết Trung ương 05/NQ-TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành TW Đảng và Nghị quyết số 27/2017/NQ-CP ngày 21/2/2017 của Chính phủ, Bộ Xây dựng đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 02 Đề án “Hoàn thiện hệ thống



Toàn cảnh Hội nghị

quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật ngành xây dựng” và Đề án “Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng”. Tại Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 18/12/2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng”.

Theo Thủ tướng Bùi Phạm Khánh, Ngành

Xây dựng là một ngành kinh tế kỹ thuật lớn của nền kinh tế, tham gia xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội, thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Lượng vốn đầu tư của ngành Xây dựng chiếm khoảng 70% tổng vốn đầu tư phát triển của toàn xã hội và có tầm ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế xã hội.

Vì vậy, việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng và chi phí dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị có vai trò quan trọng trong việc quản lý đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, là nhân tố cơ bản quyết định đến hiệu quả đầu tư của dự án, góp phần chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng, đặc biệt là đối với vốn ngân sách nhà nước (NSNN).

Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh cho biết, trong thời gian qua, hệ thống cơ chế chính sách về quản lý chi phí, hệ thống định mức và giá xây dựng theo từng giai đoạn đã có những thay đổi và đạt được những kết quả tích cực, góp phần quan trọng trong công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Việc đổi mới về quản lý chi phí được bắt đầu từ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007, đánh dấu bằng việc chuyển đổi nguyên tắc quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo cơ chế thị trường, bổ sung công cụ quản lý chi phí là chỉ số giá xây dựng; tiếp đó là Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009, đánh dấu bằng việc khẳng định giá xây dựng xác định theo giá thị trường. Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 01/2015/TT-BXD về hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng theo thị trường, đã góp phần ổn định đơn giá nhân công thị trường xây dựng, nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng và tiết kiệm vốn đầu tư cho Nhà nước. Thực hiện Luật Xây dựng 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Bộ Xây dựng đã ban

hành các thông tư hướng dẫn.

Tại Hội nghị, ông Phạm Văn Khánh, Cục trưởng Cục Kinh tế Xây dựng (Bộ Xây dựng) đã trình bày tóm tắt Đề án "Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng". Theo đó, để phù hợp với sự phát triển của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới, cũng như sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, tăng năng suất lao động và tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, việc đổi mới cơ chế quản lý chi phí cũng như việc hoàn thiện hệ thống định mức, giá xây dựng và dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị trong giai đoạn hiện nay là rất cấp thiết. Vì vậy, mục tiêu và nhiệm vụ chính của Đề án "Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng" là:

- Xây dựng hệ thống định mức, giá xây dựng và dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị phải theo kịp sự thay đổi, phát triển của khoa học, công nghệ xây dựng, phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng; phù hợp với cơ chế thị trường và có tính đặc thù của quá trình hình thành sản phẩm xây dựng.

- Việc xây dựng định mức, giá xây dựng và dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị phải mang tính kế thừa; tính đúng, tính đủ, dự báo được những yếu tố khách quan của thị trường xây dựng và hội nhập quốc tế.

- Nâng cao năng lực, trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân trong việc quản lý và đổi mới công tác xây dựng định mức, giá xây dựng; đẩy mạnh việc xã hội hóa công tác này.

- Hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về định mức, giá xây dựng để thực hiện quản lý tập trung, đồng bộ, công khai, tạo thị trường xây dựng minh bạch, cạnh tranh.

Các đại biểu dự Hội nghị cũng đã nghe phần trình bày của chuyên gia JICA về kinh nghiệm của Nhật Bản và đề xuất với Việt Nam về quản

lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án công.

Tại Hội nghị, đại diện các Bộ: Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tập đoàn Điện lực Việt Nam; các Sở Xây dựng Đà Nẵng, Nghệ An, Hà Nội; Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Hiệp hội Nhà thầu, Tập đoàn Hòa Bình đã có các tham luận đóng góp ý kiến thiết thực, chia sẻ kinh nghiệm về công tác quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý chi phí, xây dựng định mức, giá xây dựng và dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị tại địa phương và đơn vị.

Các thảo luận, đóng góp ý kiến của các đại biểu tại Hội nghị chủ yếu tập trung vào một số nội dung chính, như: Về kế hoạch triển khai Đề án từ năm 2018 - 2021 và những năm tiếp theo với khối lượng công việc của Đề án là vô cùng lớn, phần khối lượng công việc giao cho các địa phương cũng rất lớn, vì vậy cần nghiên cứu kỹ lộ trình, tiến độ thực hiện Đề án nhằm đảm bảo tính khả thi, sự phù hợp với thực tiễn triển khai của từng cơ quan, đơn vị. Về tổ chức thực hiện Đề án: các ý kiến tập trung vào việc xây dựng những cơ chế phối hợp, phân bổ nguồn lực trong đó phân định rõ vai trò của các cơ quan, đơn vị tham gia vào quá trình triển khai thực hiện Đề án.

Hầu hết các ý kiến đều thống nhất với giải pháp để triển khai thực hiện Đề án và mong

muốn Bộ Xây dựng sớm ban hành hướng dẫn về công tác rà soát cũng như cần có quy định và hướng dẫn cụ thể về nguồn vốn và giải pháp về chi phí để thực hiện Đề án. Ngoài ra cần có giải pháp để phối hợp giữa Bộ Xây dựng với các Bộ chuyên ngành, các địa phương và đặc biệt là đối với địa phương thì cần có sự phối hợp giữa các sở chuyên ngành. Các nội dung cụ thể trong các ý kiến tham luận về định mức chuyên ngành, đơn giá chuyên ngành, định mức chuyên đơn giá địa phương, giá ca máy, giá nhân công, thiếu các định mức mới, những bất cập trong các định mức mới, các đơn giá đặc thù..., đa số các ý kiến đều thống nhất với nội dung Đề án.

Phát biểu kết luận Hội nghị, thay mặt Thường trực Ban chỉ đạo triển khai Đề án, ông Phạm Văn Khánh tiếp thu toàn bộ các ý kiến tham luận tại Hội nghị và sẽ tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo, đưa vào nội dung dự thảo các sản phẩm của Đề án, đồng thời bày tỏ mong muốn tiếp tục nhận được sự hợp tác của các Bộ, ngành, các địa phương, các doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị liên quan, cũng như sự hỗ trợ giúp đỡ của cơ quan hợp tác Nhật Bản JICA nhằm nâng cao hiệu quả, đảm bảo sự thành công của Đề án.

Ninh Hoàng Hạnh

Tình hình thực hiện các nhiệm vụ công tác Quý I của Bộ Xây dựng

Ngày 23/5/2018, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng đã chủ trì buổi họp báo thường kỳ về tình hình thực hiện các nhiệm vụ công tác Quý I của Bộ Xây dựng và thông tin về những vấn đề báo chí quan tâm.

Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, Quý I/2018 Bộ Xây dựng chú trọng đặc biệt đến công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, đồng thời tích cực

chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ tập trung thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và các chương trình, đề án năm 2018 của Bộ.

Bộ Xây dựng đã hoàn thành dự thảo và (được sự ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ) báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Dự án Luật Quản lý phát triển đô thị và Dự án Luật

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Quy hoạch đô thị, hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng để lấy ý kiến các thành viên Chính phủ; tiếp tục triển khai xây dựng Luật Kiến trúc và tiếp thu ý kiến của các Bộ; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cấp nước.

Trong Quý I/2018, ngành Xây dựng cũng đạt được nhiều chỉ tiêu quan trọng: Hoạt động xây dựng duy trì tăng trưởng 7,46%, đóng góp 0,38 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 3,56%, đóng góp 0,22 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; tỷ lệ người dân đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 84,7%; tỷ lệ thất thu nước sạch giảm xuống còn khoảng 22,8%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt trên 85,5%; tổng sản lượng xi măng tiêu thụ ước khoảng 19 triệu tấn; sản xuất gạch ốp lát ước đạt 192 triệu m², sản xuất gạch không nung ước đạt 1,81 tỷ viên (quy tiêu chuẩn).

Trong lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng, Bộ Xây dựng tiếp tục triển khai công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế, dự toán công trình xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng 2014 và các Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và số 42/2017/NĐ/CP, ban hành kế hoạch thực hiện Đề án “Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng” - cấu phần Bộ Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời tiếp tục rà soát, hệ thống hóa, ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn trong lĩnh vực xây dựng” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước đó.

Bộ triển khai kế hoạch nghiệm thu các công trình xây dựng, hội đồng nghiệm thu nhà nước các công trình xây dựng đã tổ chức kiểm tra 13



Quang cảnh buổi Họp báo

đợt đối với các công trình thuộc thẩm quyền quản lý, ban hành 12 thông báo kết quả kiểm tra. Bộ hoàn thành báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả hoạt động của Hội đồng nghiệm thu nhà nước năm 2017, hoàn thành báo cáo đánh giá đập, hồ chứa các công trình thuộc danh mục Hội đồng nghiệm thu nhà nước đã kiểm tra, nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

Trong lĩnh vực quản lý kiến trúc quy hoạch, Bộ Xây dựng đã trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen, tỉnh Tây Ninh. Bộ đã thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng, nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng khu du lịch Hồ Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên; tổ chức Hội đồng thẩm định và đang lập báo cáo thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chung thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam; thực hiện đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Nghệ An. Hiện nay, Bộ đang tổ chức thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chung Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình và các đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đắk Nông, Bình Định, quy hoạch chung xây dựng khu du lịch quốc gia Mộc Châu.

Trong lĩnh vực quản lý nhà ở và thị trường bất động sản, trong quý I, Bộ Xây dựng tập trung

triển khai các chương trình phát triển nhà ở trọng điểm như: Chương trình nhà ở cho người có công; chương trình hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo khu vực nông thôn; Chương trình tôn nền vượt lũ đồng bằng Sông Cửu Long (giai đoạn 2); Chương trình phát triển nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại khu vực đô thị, công nhân khu công nghiệp. Trong quý I, tình hình thị trường bất động sản duy trì mức phát triển ổn định.

Trong lĩnh vực quản lý vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu hoàn thiện Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng chủ yếu đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 để trình Thủ tướng Chính phủ vào quý II/2018. Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng cũng tiếp tục triển khai Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đẩy mạnh xử lý, sử

dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất VLXD và trong các công trình xây dựng.

Tại buổi họp báo, Thứ trưởng Lê Quang Hùng và thủ trưởng các cơ quan chức năng của Bộ Xây dựng đã trả lời câu hỏi, ghi nhận những phản ánh của các nhà báo, phóng viên về một số vấn đề liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và đang được xã hội quan tâm: Các giải pháp góp phần giảm thiểu tình trạng ùn tắc giao thông ở các đô thị; giải pháp phát triển nhà ở cho công nhân khu công nghiệp, người có thu nhập thấp tại đô thị; quy hoạch phát triển xi măng; giải ngân vốn đầu tư công...

Trần Đình Hà

Trung Quốc thúc đẩy mở rộng ứng dụng vật liệu tường xanh kiểu mới

Vật liệu xây tường là vật liệu cơ bản tạo thành công trình xây dựng, cũng là bộ phận cấu thành quan trọng của sản phẩm kiến trúc. Việc mở rộng ứng dụng vật liệu xây tường kiểu mới là biện pháp hữu hiệu thúc đẩy cải cách mang tính căn bản trong cung ứng vật liệu của ngành công nghiệp vật liệu xây dựng. Cải cách vật liệu xây dựng là động thái quan trọng thúc đẩy xây dựng sinh thái, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn.

Công nghiệp hóa xây dựng tại Trung Quốc sau khi đã trải qua giai đoạn tiêu biểu với “công trình tường lắp ghép” và cải cách vật liệu tường kiểu mới của những năm 1970-1980 của thế kỷ XX, do chịu sự hạn chế từ nhiều phương diện như thể chế, kỹ thuật và trình độ quản lý lúc bấy giờ, sau những năm 1990 của thế kỷ XX, công nghiệp hóa xây dựng của Trung Quốc bước vào thời kỳ suy thoái nhanh chóng. Năm 2013, sau khi “Kế hoạch Hành động công trình xanh” ra đời, công nghiệp hóa xây dựng từng bước nhận được sự quan tâm của nhiều người. Cho tới nay,

đứng trước những cơ hội mới, làm thế nào để chủ động hành động, tích cực chuyển đổi phát triển, đẩy mạnh và hòa nhập với sự phát triển công nghiệp hóa xây dựng kiểu mới trong tình hình mới đã trở thành vấn đề hiện thực và cấp bách mà ngành vật liệu xây tường phải đối mặt.

1. Yêu cầu mới trong bối cảnh mới

Dù là sản phẩm nào thì cũng đều phải đặt trong bối cảnh phát triển công nghiệp cụ thể mới có thể phát huy ưu thế của mình. Công nghiệp hóa xây dựng kiểu mới tại Trung Quốc cũng đặt ra những yêu cầu mới đối với vật liệu xây tường.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa xây dựng kiểu mới yêu cầu các sản phẩm vật liệu xây tường thực hiện mô đun hóa, tiêu chuẩn hóa, đồng loạt hóa, thông dụng hóa và sản xuất đa dạng hóa, đồng thời đáp ứng các yêu cầu xây dựng xanh, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, an toàn, nhẹ, cường độ cao, đa chức năng ... Ngoài ra, các vật liệu xây tường cần có ứng

dụng kỹ thuật hoàn thiện và đồng bộ, bao gồm thiết kế, thi công quy phạm, ứng dụng quy trình kỹ thuật và quy trình nghiệm thu, vật liệu đồng bộ, công cụ thi công chuyên dụng và kỹ thuật tích hợp hệ thống, kỹ thuật liên kết, đồng thời đẩy mạnh thiết kế danh mục các sản phẩm vật liệu xây tường và các chế độ chứng nhận.

Để đáp ứng những yêu cầu trên, lĩnh vực vật liệu xây tường phải phát triển theo phương hướng chuyên nghiệp hóa, quy mô hóa và chuyên sâu hóa, thực hiện quản lý công nghệ hóa trong toàn quá trình như tập trung nguyên liệu, sản xuất sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ sau bán hàng, từ đó tạo sự cung ứng chuyên nghiệp, có nguồn gốc rõ ràng, an toàn đáng tin cậy, đồng bộ hóa, đồng loạt hóa, có thể thực hiện xã hội hóa, thương phẩm hóa, đồng thời các sản phẩm vật liệu xây tường có thể đáp ứng các yêu cầu về mặt chức năng và sử dụng.

Các sản phẩm vật liệu xây tường tại Trung Quốc khá đơn nhất, đa số đều ở mức thấp trong chuỗi ngành công nghiệp. Trong các sản phẩm vật liệu xây tường thì gạch và khối xây chiếm trên 90%, vật liệu tấm nhẹ phát triển khá chậm khi sản lượng loại vật liệu này không tới 10% trong tổng sản lượng vật liệu xây tường toàn Trung Quốc, hơn nữa đa số không thể thực hiện sản xuất và cung ứng tiêu chuẩn hóa, hàng loạt hóa, thông dụng hóa và đa dạng hóa, vẫn có một khoảng cách lớn so với yêu cầu công nghiệp hóa xây dựng kiểu mới.

Hệ thống tiêu chuẩn hoàn thiện là điều kiện tiên quyết để các sản phẩm vật liệu xây tường mở rộng ứng dụng trong các công trình xây dựng. Hiện tại, hệ thống tiêu chuẩn về các sản phẩm vật liệu xây tường của Trung Quốc chưa đủ hoàn thiện, các tiêu chuẩn như “Gạch rỗng nung và khối xây rỗng”, “gạch xỉ than”... đã không thể thích ứng với sự phát triển mới của ngành Xây dựng và không thể đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn công trình xanh tiết kiệm năng lượng. Một số sản phẩm vật liệu xây tường mới

khai thác sản xuất vẫn chưa kịp thời đề ra các tiêu chuẩn thích ứng với sự phát triển, đặc biệt là nghiên cứu ứng dụng tiêu chuẩn hết sức lạc hậu, thiếu thiết kế, quy phạm thi công, quy trình kỹ thuật ứng dụng và quy trình nghiệm thu..., hơn nữa việc thiếu phần mềm thiết kế chuyên dụng, ảnh hưởng tới việc mở rộng ứng dụng các sản phẩm vật liệu xây tường cho các công trình được xây dựng theo phương pháp công nghiệp.

Xem xét một cách tổng thể, lĩnh vực vật liệu xây tường của Trung Quốc hiện nay đang trong giai đoạn phát triển mở rộng. Trình độ trang bị kỹ thuật của đa số các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây tường khá thấp, phương thức quản lý kinh doanh lạc hậu. Ngoài tấm thạch cao có kỹ thuật khá tiên tiến và quy mô khá lớn ra, đa số trình độ kỹ thuật của các dây chuyền sản xuất tấm vật liệu nhẹ đều không cao, quy mô nhỏ, vật liệu xây tường kiểu mới vẫn lấy các sản phẩm thấp và trung bình làm chủ đạo. Toàn bộ lĩnh vực vật liệu xây tường có mức độ chuyên sâu thấp, hơn nữa lại chú trọng vào sản xuất sản phẩm, sau mới tới các dịch vụ đồng bộ, do đó khó có thể thích ứng được với yêu cầu cung ứng các sản phẩm vật liệu xây tường có chất lượng và với số lượng lớn.

Những năm gần đây, mặc dù Trung Quốc đã khai thác và phát triển một số kỹ thuật mới, sản phẩm mới về vật liệu xây tường, nhưng do năng lực đổi mới khoa học kỹ thuật không đủ, mức độ khai thác các sản phẩm vật liệu xây tường không đủ để thích ứng với yêu cầu công nghiệp hóa xây dựng, hơn nữa tính thực dụng, tính đồng bộ và tính chức năng không đủ mạnh, sức cạnh tranh thị trường không cao, thiếu năng lực phát triển bền vững.

2. Nhu cầu phát triển xanh thống nhất

Đầu năm 2017, Ủy ban Cải cách và Phát triển, Bộ Công nghiệp và Công nghệ Thông tin Trung Quốc đã ban hành thông tư “Kế hoạch Hành động mở rộng ứng dụng vật liệu xây tường kiểu mới”, trong đó yêu cầu phát triển vật liệu xây tường xanh kiểu mới, nâng cao trình độ

phát triển xanh, phát triển tuần hoàn và Cacbon thấp trong ngành vật liệu xây dựng, thúc đẩy chuyển đổi nâng cấp ngành vật liệu xây dựng. Theo Kế hoạch này, “vật liệu xây dựng lắp ghép thống nhất đa chức năng như vật liệu nhẹ, cường độ cao, bảo ôn, chống cháy và có cùng tuổi thọ với công trình” đã trở thành phương hướng phát triển của ngành vật liệu xây dựng kiểu mới. Ngoài ra, hội nhập, xanh hóa cũng trở thành mục tiêu phát triển của ngành vật liệu xây dựng kiểu mới trong tương lai.

Nói đến sự phát triển hội nhập vật liệu xây dựng kiểu mới, không thể không nhắc tới ngành công nghiệp xây dựng. Đẩy nhanh chuyển đổi nâng cấp ngành Xây dựng, thúc đẩy công nghiệp hóa xây dựng kiểu mới, nỗ lực phát triển công trình xanh là phương hướng phát triển và là trọng điểm công tác của ngành Xây dựng Trung Quốc hiện nay và trong tương lai. Chính vì vậy, chuyển đổi phát triển lĩnh vực vật liệu xây dựng và ngành Xây dựng không thể tách rời nhau, hòa nhập vào quá trình công nghiệp hóa xây dựng và sự phát triển của công trình xanh là một khâu quan trọng trong chuỗi công nghiệp hóa xây dựng kiểu mới, điều này đòi hỏi phải nắm được trọng điểm, khai thác và phát triển các loại vật liệu xây dựng và các loại vật liệu xây dựng xanh khác để phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa xây dựng và phát triển công trình xanh.

Ngoài ra, lĩnh vực vật liệu xây dựng phát triển cũng phải bắt kịp với xu thế công nghệ thông tin. Hiện tại, công nghệ thông tin đã được ứng dụng rộng rãi trong các khâu sản xuất công

nh nghiệp, công nghệ thông tin đã trở thành biện pháp thông thường trong quản lý kinh doanh của các doanh nghiệp công nghiệp, trong khi đó để thực hiện phát triển chuyển đổi ngành vật liệu xây dựng, cần bắt đầu từ các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, bắt đầu từ khâu quản lý, nâng cao trình độ sản xuất kinh doanh và quản lý của doanh nghiệp vật liệu xây dựng. Vì vậy, trong quá trình phát triển chuyển đổi lĩnh vực vật liệu xây dựng, phải hội nhập với công nghệ thông tin, đưa công nghệ thông tin ứng dụng vào trong các khâu thiết kế, chế tạo, sản xuất, quản lý kinh doanh, tiếp thị..., từ đó thúc đẩy đổi mới nghiệp vụ và nâng cấp quản lý trong doanh nghiệp.

Phát triển xanh là nội dung quan trọng trong phát triển kinh tế hiện nay, do đó lĩnh vực vật liệu xây dựng cũng phải phát triển theo hướng xanh hóa. Mở rộng các vật liệu xanh, căn cứ vào các đặc điểm về tài nguyên, khí hậu và kết cấu công trình địa phương để phát triển các loại vật liệu xanh tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm đất, tiết kiệm nước và bảo vệ môi trường, đồng thời tích cực phát triển các loại vật liệu xây dựng từ tận dụng rác thải. Tận dụng nguồn chất thải rắn công nghiệp, bùn thải đô thị và bùn thải từ sông, suối, ao, hồ, đất thải xây dựng và rác thải xây dựng... để phát triển sản xuất vật liệu xây dựng, vừa tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường.

Tất Đức Bằng

Nguồn: Báo Xây dựng Trung Quốc, ngày 7/5/2018

ND: Kim Nhạn

Thiết bị nước nóng năng lượng mặt trời đầu tiên của Trung Quốc ra đời như thế nào?

Không giống như các nhiên liệu hóa thạch khác được lưu trữ với số lượng có hạn trong lớp vỏ trái đất như than đá, dầu mỏ và khí tự nhiên..., mặt trời là một nguồn năng lượng khổng lồ. Hơn thế nữa, tuổi thọ của nguồn năng

lượng mặt trời và bản thân mặt trời đều lâu dài như nhau, nó có thể cung cấp năng lượng và nhiệt lượng không gây hại và không gây ô nhiễm môi trường. Cho tới nay, có rất nhiều cách tận dụng năng lượng mặt trời như phát

điện quang điện, thu nguồn nhiệt cao, sấy, sưởi ấm, bếp năng lượng mặt trời và thiết bị nước nóng..., đặc biệt thiết bị nước nóng năng lượng mặt trời được ứng dụng rộng rãi trong và ngoài Trung Quốc. Trung Quốc có nguồn tài nguyên đất rộng lớn, có thể tiếp thu một lượng rất lớn năng lượng mặt trời, tuy nhiên, rất ít người biết rằng thiết bị nước nóng năng lượng mặt trời đầu tiên của Trung Quốc ra đời như thế nào.

Năm 1958, hai giáo sư Hà Chí Mạ và Lý Anh Tài thuộc Phòng Nghiên cứu điện lực và kỹ thuật nhiệt tự động Đại học Thiên Tân đã thiết kế, chế tạo thiết bị nước nóng năng lượng mặt trời đầu tiên tại Trung Quốc.

Bài viết giới thiệu về thiết bị nước nóng năng lượng mặt trời đầu tiên ở Trung Quốc đã được đăng trên Tạp chí "Thí nghiệm khoa học" số 12 năm 1974 của Trung Quốc, tác giả là giáo sư Hà Chí Mạ. Bài viết này không những mô tả việc tận dụng năng lượng mặt trời mà còn viết về tính không bền vững của nguồn nhiên liệu hóa thạch cũng như tính bất hợp lý khi đốt trực tiếp nhiên liệu để thu được nước nóng ở nhiệt độ thấp, đồng thời đề cao việc sử dụng các kỹ thuật tiết kiệm năng lượng như năng lượng mặt trời và năng lượng địa nhiệt, nhiệt thải công nghiệp và máy bơm nhiệt... Bài viết đã đưa ra những nhận thức về tương lai, đồng thời có ý nghĩa chỉ đạo mạnh mẽ đối với việc tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải.

Bài viết này đã giới thiệu chi tiết về sự sản sinh và đặc điểm của năng lượng mặt trời, nguyên lý truyền nhiệt, nguyên lý và kết cấu của thiết bị nước nóng năng lượng mặt trời cũng như tình hình sử dụng thiết bị nước nóng của Đại học Thiên Tân. Hệ thống thiết bị nước nóng này ngoài nguyên nhân hạn chế về nguyên vật liệu và công nghệ lúc bấy giờ, đứng trên hiệu suất chuyển đổi năng lượng mặt trời và thời gian vận hành mà nói, đây là hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời tiên tiến nhất của Trung Quốc lúc bấy giờ. Ngoài hệ thống đường ống kim loại dạng tuần hoàn tự nhiên và hệ

thống thu nhiệt năng lượng mặt trời có nắp đậy bằng kính, bài viết còn giới thiệu sơ lược về thiết bị nước nóng dạng "túi gối", người đọc căn cứ vào bài viết hoàn toàn có thể chế tạo ra hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời tương tự. Bài viết cũng giới thiệu về hệ thống năng lượng mặt trời quy mô lớn tại Bắc Kinh và Tây Tạng, điều này có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng cho sự bùng nổ tận dụng năng lượng mặt trời trên toàn đất nước Trung Quốc.

Sự phức tạp và chi phí của các thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời liên quan đến chất lượng và nhiệt độ của năng lượng thu được. Máy nước nóng năng lượng mặt trời đầu tiên ở Trung Quốc được tạo thành vào năm 1958 bởi Phòng thí nghiệm của Đại học Thiên Tân, bao gồm bảy "hộp nóng" (gọi chung là thiết bị thu nhiệt) song song. Ở mái nhà phía Nam của tòa nhà thí nghiệm, trong mỗi "hộp nhiệt", người ta đặt một tấm sắt mỏng có lớp phủ màu đen và sáu ống nước thông thường có đường kính khoảng 1,7cm. Khung hộp được làm bằng gỗ với nắp kính hai lớp, diện tích hấp thụ ánh sáng của mỗi hộp là 1,8 m², được gọi là thiết bị thu nhiệt dạng ống, tổng diện tích hấp thụ ánh sáng của toàn bộ thiết bị nước nóng là 12,6m². Thể tích của bể chứa nước trên mái là 1m³, dung tích nước trong bể chứa và toàn bộ hệ thống là 950 kg.

Có rất nhiều chủng loại thiết bị nước nóng năng lượng mặt trời, thiết bị nước nóng năng lượng mặt trời đầu tiên được thiết kế và sản xuất bởi Đại học Thiên Tân là một máy nước nóng lưu thông tự nhiên. Thành phần chính của nó là một bộ thu năng lượng mặt trời. Đây là một bộ thu có một tấm sắt mỏng bên trong và một số ống dẫn nước thông thường được đặt trên các rãnh bán nguyệt của tấm kim loại mỏng. Để ngăn không cho năng lượng nhiệt bị tiêu tan do lưu lượng không khí bề mặt, bề mặt của tấm sắt và ống dẫn nước được sơn đen để tăng hấp thụ nhiệt. Ngoài ra, hộp thiết bị thu nhiệt cần được kín khí, các bên và đáy của thiết bị thu nhiệt,

ống tuần hoàn, bể chứa và ống nước nóng phải được giữ ấm. Góc nghiêng của thiết bị thu nhiệt và mặt bằng cần tương ứng với vĩ độ địa lý của địa phương. Vì nhiệt độ nước tại ống bên trong thiết bị thu nhiệt hấp thụ năng lượng mặt trời có nhiệt độ nước cao hơn nhiệt độ của nước đầu vào, do đó tỷ lệ nước trong ống dẫn nước lên nhỏ hơn so nước tại ống thu nhiệt. Bằng cách này, hiệu ứng siphon (syphonage) nhiệt được tạo ra, hình thành sự tuần hoàn tự nhiên của nước. Vào mùa hè, bình chứa nước có thể cung cấp nước nóng từ 38°C đến 50°C, có hai phòng tắm dành cho nam và nữ được bố trí để phục vụ cho các nhân viên trong tòa nhà thí nghiệm và phòng nghiên cứu vào thời điểm lúc bấy giờ.

Trên thực tế, có nhiều cách để có được nước nóng khoảng 50°C phục vụ cho sản xuất hoặc sinh hoạt. Ví dụ, nhiệt thải khác nhau từ các doanh nghiệp công nghiệp có thể được sử dụng để chuẩn bị nước nóng, tài nguyên nước nóng ngầm phong phú, chẳng hạn như nước nóng trong khu vực suối nước nóng, các thành phố như Bắc Kinh, Thiên Tân... sử dụng giếng khoan để lấy nước nóng dưới lòng đất..., cũng có thể sử dụng bơm nhiệt để tăng nhiệt độ năng lượng thích hợp trong môi trường (không khí và nước) để lấy nước nóng. Tất cả các phương pháp này có thể tiết kiệm nhiên liệu nhưng lại bị giới hạn bởi các điều kiện địa lý, khu vực hoặc thiết bị. Việc sử dụng năng lượng mặt trời để lấy nước

nóng là một trong những phương pháp được sử dụng phổ biến nhất và tương đối đơn giản.

Thiết bị nước nóng năng lượng mặt trời này đã được sử dụng 18 năm cho đến trận động đất năm 1976. Trong thời gian này, mỗi năm từ tháng 4 đến tháng 11, thiết bị nước nóng đều có thể sử dụng. Đặc biệt là trong kỳ nghỉ hè, sau bữa tối các giáo viên cùng con cái của họ có thể đi tắm. Vào trước mùa đông mỗi năm, nhân viên và công nhân của phòng thí nghiệm sẽ làm sạch và bảo dưỡng thiết bị nước nóng. Toàn bộ thiết bị được bảo dưỡng rất tốt, kể cả khi trận động đất xảy ra, ngôi nhà bị phá hỏng, nhưng máy nước nóng vẫn còn trong tình trạng tốt và sau đó được tặng lại cho xưởng động lực của nhà trường.

Cách đây 60 năm, các giáo viên trẻ với triết lý bảo vệ môi trường và nhận thức về tương lai của Đại học Thiên Tân, người lớn tuổi nhất không quá 34, 35 tuổi, nhưng nguyên lý tiết kiệm năng lượng và nhiệt động lực học mà họ đã thể hiện vẫn còn nguyên giá trị và dựa vào đó để thiết kế và chế tạo ra những thiết bị nước nóng năng lượng mặt trời phục vụ cho người dân Trung Quốc cho tới ngày nay.

Phương Thừa Siêu

Nguồn: Báo Xây dựng Trung Quốc,

ngày 16/4/2018

ND: Kim Nhạn

HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI PHỐI HỢP CÔNG TÁC GIỮA BAN THƯỜNG TRỰC MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ BỘ XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2018



*Đồng chí Trần Thanh Mẫn, Bí thư TƯ Đảng, Chủ tịch UBTUMTTQVN phát biểu chỉ đạo
tại Hội nghị*



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà phát biểu tại Hội nghị